TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **1052**/2019/KDTM-PT Ngày: 19/11/2019 V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp hợp đồng tiền gửi".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các Thẩm Phán: 1. Bà Trương Thị Thảo

2. Bà Lưu Thị Đoan Trang.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tâm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tôn Mạnh Hùng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 và ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/KDTMPT 25/9/2019, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và Hợp đồng tiền gửi".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 748/2019/KDTM-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân Quận 3 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4575/2019/QĐXX-PT ngày 02/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8743/2019/QĐ-HPT ngày 23/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần NB

Địa chỉ: 169/23 Đường C, Phường 12, Quận B, TP.H

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan VT, sinh năm 1979 - Địa chỉ: 179 Đường L, Phường 7, Quận T, T.p H.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Kiều TU, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV

Địa chỉ trụ sở: 145-147-149 Đường H, Phường 2, Thành phố T, tỉnh L

Địa chỉ liên lạc: Số 10 Đường L, Phường B, Quận M, TP.H.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn VT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng NH, ông Phạm VT, ông Nguyễn D và ông Lâm QT.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê KN, sinh năm 1985
2. Bà Đỗ NH, sinh năm 1984
3. Bà Trần UP, sinh năm 1981
4. Ông Nguyễn HT, sinh năm 1968
5. Ông Trần QT, sinh năm 1953

6. Ông Nguyễn TG, sinh năm 1983

7. Ông Đoàn VD, sinh năm 1959

8. Ông Trần ĐT, sinh năm 1976

9. Ông Phan DH, sinh năm 1974

10. Bà Lê TC, sinh năm 1988

11. Ông Võ CH, sinh năm 1977

12. Ông Tống NT, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ liên lạc: 219 Đại lộ B, Phường V, Thị xã T, Tỉnh B.

Bà Trần UP, bà Lê KN, bà Đỗ NH, ông Trần QT, ông Nguyễn HT, ông Đoàn VD, bà Lê TC, ông Tống NT, ông Võ CH, ông Phan DH, ông Nguyễn TG, ông Trần ĐT cùng ủy quyền cho ông Phan VT-Đại diện.

13. Ông Phan VT, sinh năm 1979

Địa chỉ: 179 Đường L, Phường 7, Quận T, T.p H.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Ngày 01/8/2014 Bà Trần NB có đơn khởi kiện về việc yêu cầu tranh chấp hợp đồng tiền gửi và đòi lại sổ tiết kiệm, với nội dung khởi kiện cụ thể như sau: Bà Trần NB yêu cầu Ngân hàng TMCP XV (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV) dùng 03 Hợp đồng tiền gửi đứng tên Trần NB để tất toán các Hợp đồng tín dụng của Bà Trần NB và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Lê KN, bà Đỗ NH, bà Trần UP, ông Nguyễn HT, ông Trần QT, ông Nguyễn TG, ông Đoàn VD, ông Trần ĐT ,ông Phan DH, bà Lê TC, ông Võ CH, ông Phan VT, ông Tống NT. Ngày 19/4/2019, bà Trần NB thay đổi nội dung đơn khởi kiện nội dung như sau: bà Trần NB có gửi tiền tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV được chuyển đổi từ Ngân hàng TMCP XV (tên cũ là Ngân hàng TMCP ĐT). Bà Trần NB gửi tất cả 08 sổ tiết kiệm, cụ thể:

1.Sổ tiết kiệm số TB0-549310 kèm CKH056860 ngày 21/01/2013 số tiền gửi là: 5.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng; lãi suất 0,95%/tháng;

2.Sổ tiết kiệm số: TB0-529619 ngày 25/6/2013, số tiền gửi là 16.586.208.000 đồng; kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 0,875%/tháng;

3.Sổ tiết kiệm số TB0-529621 ngày 12/10/2013, số tiền gửi là 14.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 13 tháng; lãi suất 0,9167%/tháng;

4.Sổ tiết kiệm số TB0-529622 ngày 11/10/2013 số tiền gửi là 15.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 13 tháng; lãi suất 0,9167%/tháng;

5.Sổ tiết kiệm số TB0-531761 kèm CKH056843 ngày 17/01/2013 số tiền gửi là 160.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng; lãi suất 0,95%/tháng;

6.Sổ tiết kiệm số TB0-581192 kèm CKH066720 ngày 27/3/2013 số tiền gửi là 4.100.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng; lãi suất 0,875%/tháng;

7.Sổ tiết kiệm số TB0-529623 ngày 27/6/2013 số tiền gửi là 11.500.542.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng; lãi suất 0,875%/tháng;

8.Sổ tiết kiệm số TB0-529620 ngày 27/6/2013, số tiền gửi là 199.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất 0,875%/tháng;

Tổng cộng số tiền trong sổ tiết kiệm của bà Trần NB là: 425.186.750.000 đồng.

Trong khoảng thời gian từ ngày 28/12/2012 đến ngày 30/7/2013, bà Trần NB có nhiều khoản vay bằng hình thức cầm cố sổ tiết kiệm, cụ thể các khoản vay ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013 và ngày 30/7/2013 của bà Trần NB như sau:

Ngày 21/6/2013 bà Trần NB đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-531761, TB0-549310 để vay số tiền 150.890.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.178.13/HĐTD-STK, lãi suất 11.9%/năm, thời gian vay 61 ngày (từ ngày 21/6/2013 – 21/8/2013).

Ngày 21/6/2013 bà Trần NB đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-529622, TB0-529621 để vay số tiền 25.760.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.177.13/HĐTD-STK, lãi suất 11.5004%/năm, thời gian vay 61 ngày (từ ngày 21/6/2013 – 21/8/2013).

Ngày 21/6/2013 bà Trần NB đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-529618, TB0-529619, TB0-529620, TB0-581192, TB0-529623 để vay số tiền 223.350.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.176.13/HĐTD-STK, lãi suất 11%/năm, thời gian vay 61 ngày a).

Các khoản vay này đã được tất toán vào ngày 21/8/2013 và 26/08/2013.

Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT ngày 24/01/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM xét xử vụ án Phạm CD (sau đây gọi là Bản án phúc thẩm số 30) **tại trang 129** đã quyết định:

"Giải tỏa kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV ***tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng****, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013* ***theo đúng quy định pháp luật****".* Trong 124 sổ tiết kiệm nêu trên, có 08 sổ tiết kiệm đứng tên Bà Trần NB.

Theo Bản án phúc thẩm số 30 thì số nợ gốc của các khoản vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 "*được xem là chưa tất toán"* là 5.190 tỷ đồng *(Năm ngàn một trăm chín mươi tỷ đồng).* Trong đó, số tiền được xem là chưa tất toán của Bà Trần NB vào các ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013 và ngày 30/7/2013 là 400.000.000.000 đồng.

Nay, nguyên đơn bà Trần NB khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 3 buộc bị đơn tất toán các hợp đồng tín dụng của bà Trần NB tại Ngân hàng, bà Trần NB yêu cầu trả tiền gốc đã vay của cá nhân bà Trần NB là 400.000.000.000 đồng trong tổng số tiền 5.190 tỷ đồng như Bản án phúc thẩm số 30 đã tuyên, riêng tiền lãi bà Trần NB đã thanh toán nên không đồng ý trả. Đối với 08 sổ tiết kiệm số TB0-529621, TB0-529622,TB0-531761, TB0-549310, TB0-529619, TB0-529620, TB0-581192, TB0-529623, bà Trần NB yêu cầu được nhận đầy đủ gốc và lãi suất từ ngày gửi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, cụ thể tiền gốc là 425.186.750.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tạm tính theo lãi suất ghi trên các sổ tiết kiệm tính đến ngày 12/8/2019 là

221.482.803.413 đồng. Tổng cộng là 646.669.553.413 đồng.

Như vậy, bà Trần NB đồng ý cấn trừ số tiền trong sổ tiết kiệm vào số tiền Bà Trần NB đã vay vào ngày 21/6/2013. Bà Trần NB còn thừa 246.669.553.413 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/8/2019 đến ngày Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV thực trả đủ tiền cho Bà Trần NB.

Bị đơn: Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV có ông Hoàng NH, ông Phạm VT, ông Nguyễn D, ông Lâm QT đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày: Căn cứ vào Bản án phúc thẩm số 30, Tòa đã tuyên: "*Giải tỏa kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV* ***tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng****, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 theo đúng quy định pháp luật".*

Như vậy, khoản vay 5.190 tỷ đồng của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 của ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân có liên quan được tòa xác định là chưa tất toán nên phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV toàn bộ số tiền gốc 5.190 tỷ đồng và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng vay mà ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân có liên quan đã ký kết với Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV.

Bên cạnh đó, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh đã tuyên giao 124 sổ tiết kiệm cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV để đảm bảo cho việc xử lý thu hồi số tiền vay 5.190 tỷ đồng nêu trên. Như vậy, 124 sổ tiết kiệm này được xem là tài sản để đảm bảo cho việc thi hành nghĩa vụ của ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân có liên quan trong việc hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV số tiền gốc 5.190 tỷ đồng và tiền lãi phát sinh.

Từ những căn cứ trên Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV không đồng ý với tất cả các yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV không đồng ý trả sổ tiết kiệm khi nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa tất toán các khoản vay. Đề nghị Tòa án nhân dân Quận 3 căn cứ Bản án phúc thẩm số 30 để đình chỉ giải quyết vụ kiện trên, đồng thời hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Theo đơn yêu cầu độc lập vào ngày 01/8/2014 và đơn bổ sung thay đổi yêu cầu độc lập vào ngày 19/4/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu là: bà Lê KN, bà Đỗ NH, Bà Trần UP, ông Nguyễn HT, ông Trần QT, ông Nguyễn TG, ông Đoàn VD, ông Trần ĐT, ông Phan DH, bà Lê TC, ông Võ CH, ông Phan VT, ông Tống NT cùng ủy quyền cho ông Phan VT – Đại diện theo ủy quyền trình bày:

1- Bà Trần UP có tất cả 07 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng TMCP ĐT – Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV). Các sổ tiết kiệm cụ thể như sau:

1. Sổ tiết kiệm số: TB0-531755 kèm - TB0-618521 ngày 25/6/2013, số

tiền gửi: 287.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,8750%/tháng,

2. Sổ tiết kiệm số: TB0-531762 kèm STK663622 ngày 19/10/2013, số tiền gửi: 13.000.000.000 đồng; thời hạn gửi là 13 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng,

3. Sổ tiết kiệm số: TB0-531763 kèm TB0-664456 ngày 09/11/2013, số tiền gửi: 15.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 13 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng,

4. Sổ tiết kiệm số: TB0-549311 kèm CKH056858 ngày 21/01/2013, số tiền gửi: 2.927.083.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,950%/tháng,

5. Sổ tiết kiệm số: TB0-549330 kèm CKH056861 ngày 22/01/2013, số tiền gửi: 999.695.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,950%/tháng,

6. Sổ tiết kiệm số: TB0-552672 kèm CKH061380 ngày 23/02/2013, số tiền gửi: 12.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,950%/tháng,

7. Sổ tiết kiệm số: TB0-581198 kèm CKH066061 ngày 27/3/2013, số tiền gửi: 2.591.667.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,8750%/tháng.

Tổng số tiền gửi gốc là: 333.518.445.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019 là: 173.979.552.394 đồng. Tổng cộng là: 507.497.997.394 đồng.

Ngày 21/6/2013, bà Trần UP đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-531762 và TB0-531763 để vay số tiền 24.690.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.179.13/HĐTD-STK, lãi suất 11.5000%/năm, thời gian vay 61 ngày (từ ngày 21/6/2013 – 21/8/2013).

Ngày 21/6/2013, bà Trần UP đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-531755 và TB0-581198 để vay số tiền 281.510.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.180.13/HĐTD-STK, lãi suất 11,0000%/năm, thời gian vay 61 ngày (từ ngày 21/6/2013 – 21/8/2013).

Ngày 21/6/2013, bà Trần UP đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-549311 và TB0-552672 và TB0-549330 để vay số tiền 14.800.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.181.13/HĐTD-STK, lãi suất 11,9%/năm, thời gian vay 61 ngày (từ ngày 21/6/2013 – 21/8/2013).

Các khoản vay này đã được tất toán vào ngày 21/8/2013.

Bản án phúc thẩm số 30 **tại trang 129** đã quyết định: *"Giải tỏa kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV* ***tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng****, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013* ***theo đúng quy định pháp luật****"*. Trong 124 sổ tiết kiệm nêu trên, có 07 sổ tiết kiệm đứng tên Bà Trần UP.

Theo Bản án phúc thẩm số 30 thì số nợ gốc của các khoản vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 "*được xem là chưa tất toán"* là 5.190 tỷ

đồng *(Năm ngàn một trăm chín mươi tỷ đồng)*. Trong đó, số tiền được xem là chưa tất toán của Bà Trần UP vào các ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013 và ngày 30/7/2013 là 321.000.000.000 đồng.

Nay, bà Trần UP có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 3 buộc bị đơn tất toán các hợp đồng tín dụng của Bà Trần UP tại Ngân hàng, Bà Trần UP yêu cầu trả tiền gốc đã vay của cá nhân Bà Trần UP là 321.000.000.000 đồng (trong tổng số tiền vay 5.190 tỷ đồng mà Bản án phúc thẩm số 30 đã tuyên), riêng tiền lãi Bà Trần UP đã thanh toán nên không đồng ý tiếp tục trả. Đối với 07 sổ tiết kiệm TB0-531755, TB0-531762, TB0-531763, TB0-552672, TB0-549311, TB0-549330, TB0-581198 đang gửi tại Ngân hàng, Bà Trần UP yêu cầu được nhận đầy đủ gốc và lãi suất từ ngày gửi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, cụ thể tiền gốc là 333.518.445.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tạm tính theo lãi suất ghi trên các sổ tiết kiệm tính đến ngày 12/8/2019 là 173.979.552.394 đồng. Tổng cộng là 507.497.997.394 đồng. Như vậy, Bà Trần UP yêu cầu cấn trừ số tiền trong sổ tiết kiệm vào số tiền Bà Trần UP đã vay vào ngày 21/6/2013, Bà Trần UP còn thừa 186.497.997.394 đồng và tiền lãi phát sinh của các sổ tiết kiệm kể từ ngày 13/8/2019 đến ngày Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV thực trả đủ tiền cho Bà Trần UP.

2- Ông Nguyễn HT: có 08 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng TMCP ĐT – Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV). Các sổ tiết kiệm cụ thể như sau:

1. Sổ tiết kiệm số: TB0-617670 ngày 27/4/2013, số tiền gửi: 1.089.930.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0.8750%/tháng,

2. Sổ tiết kiệm số: TB0-617671 ngày 27/4/2013, số tiền gửi: 43.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0.8750%/tháng;

3. Sổ tiết kiệm số: TB0-617672 ngày 10/6/2013, số tiền gửi: 1.520.833.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng,

4. Sổ tiết kiệm số: TB0-617673 ngày 10/7/2013, số tiền gửi: 16.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng,

5. Sổ tiết kiệm số: TB0-617679 ngày 21/6/2013, số tiền gửi: 1.650.104.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng,

6. Sổ tiết kiệm số: TB0-617680 ngày 21/6/2013, số tiền gửi: 4.866.667.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

7. Sổ tiết kiệm số: TB0-617682 ngày 21/6/2013, số tiền gửi: 808.510.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

8. Sổ tiết kiệm số: TB0-617685 ngày 21/6/2013, số tiền gửi: 320.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

Tổng số tiền gửi gốc là 388.936.044.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019 là 204.191.971.713 đồng. Tổng cộng là 593.128.015.713 đồng.

Ngày 21/6/2013, ông Nguyễn HT đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-617685, TB0-617680, TB0-617682, TB0-617679 và TB0-617672 để vay số tiền

314.500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.198.13/HĐTD-STK, lãi suất 11.5%/năm, thời gian vay 61 ngày (từ ngày 21/6/2013 – 21/8/2013).

Ngày 21/6/2013 ông Nguyễn HT đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-617673, TB0-617671 và TB0-617670 để vay số tiền 55.500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.199.13/HĐTD-STK, lãi suất 11%/năm, thời gian vay 61 ngày (từ ngày 21/6/2013 – 21/8/2013).

Các khoản vay này đã được tất toán vào ngày 21/8/2013.

Bản án hình sự phúc thẩm số 30 **tại trang 129** đã quyết định: *"Giải tỏa kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV* ***tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng****, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013* ***theo đúng quy định pháp luật****".* Trong 124 sổ tiết kiệm nêu trên, có 08 sổ tiết kiệm đứng tên ông Nguyễn HT.

Theo Bản án phúc thẩm số 30 thì số nợ gốc của các khoản vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 "*được xem là chưa tất toán"* là 5.190 tỷ đồng *(Năm ngàn một trăm chín mươi tỷ đồng).* Trong đó, số tiền được xem là chưa tất toán của Ông Nguyễn HT vào các ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013 và ngày 30/7/2013 là 370.000.000.000 đồng.

Nay, ông Nguyễn HT có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 3 buộc bị đơn tất toán các hợp đồng tín dụng của ông Nguyễn HT tại Ngân hàng, Ông Nguyễn HT yêu cầu trả tiền gốc đã vay của cá nhân Ông Nguyễn HT là 370.000.000.000 đồng (trong tổng số tiền vay 5.190 tỷ đồng mà Bản án phúc thẩm số 30 đã tuyên), riêng tiền lãi ông Nguyễn HT đã thanh toán nên không đồng ý tiếp tục trả. Đối với 08 sổ tiết kiệm TB0-617685, TB0-617680, TB0-617682, TB0-617679, TB0-617672, TB0-617673, TB0-617671, TB0-617670 đang gửi tại Ngân hàng, ông Nguyễn HT yêu cầu được nhận đầy đủ gốc và lãi suất từ ngày gửi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, cụ thể tiền gốc là 388.936.044.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tạm tính theo lãi suất ghi trên các sổ tiết kiệm tính đến ngày 12/8/2019 là 204.191.971.713 đồng. Tổng cộng là 593.128.015.713 đồng. Như vậy, ông Nguyễn HT yêu cầu cấn trừ số tiền trong sổ tiết kiệm vào số tiền Ông Nguyễn HT đã vay vào ngày 21/6/2013. Ông Nguyễn HT còn thừa 223.128.015.713 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/8/2019 đến ngày Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV thực trả đủ tiền cho ông Nguyễn HT.

3-Bà Đỗ NH: có 10 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng TMCP ĐT – Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV). Các sổ tiết kiệm cụ thể như sau:

1. Sổ tiết kiệm số: TB0-581179 ngày 18/01/2013, số tiền gửi: 1.689.139.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0.95%/tháng;

2. Sổ tiết kiệm số: TB0-581180 ngày 19/3/2013, số tiền gửi: 3.896.375.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0.95%/tháng;

3. Sổ tiết kiệm số: TB0-581181 ngày 19/3/2013, số tiền gửi:

183.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0.95%/tháng;

4. Sổ tiết kiệm số: TB0-581182 , số tiền gửi: 2.980.833.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0.95%/tháng;

5. Sổ tiết kiệm số: TB0-581183 ngày 01/3/2013, số tiền gửi: 4.136.667.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0.95%/tháng;

6. Sổ tiết kiệm số: TB0-581184 ngày 02/3/2013, số tiền gửi: 511.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0.95%/tháng;

7. Sổ tiết kiệm số: TB0-581185 ngày 05/3/2013, số tiền gửi: 150.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0.95%/tháng;

8. Sổ tiết kiệm số: TB0-581186 ngày 18/03/2013, số tiền gửi: 6.557.833.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0.95%/tháng;

9. Sổ tiết kiệm số: TB0-581191 ngày 26/3/2013, số tiền gửi: 37.100.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0.875%/tháng.

10. Sổ tiết kiệm số: TB0-593750 ngày 03/12/2013, số tiền gửi: 908.444.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 11%/năm;

Tổng số tiền gửi gốc là: 390.780.291.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019 là: 202.081.366.553 đồng. Tổng cộng là: 592.861.657.553 đồng.

Ngày 21/6/2013, Bà Đỗ NH đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-581186, TB0-581185, TB0-581184, TB0-581183,TB0-581182, TB0-581181, TB0-581180, TB0-581179 để vay số tiền 328.300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.194.13/HĐTD-STK, lãi suất 11,9%/năm, thời gian vay 61 ngày (từ ngày 21/6/2013 – 21/8/2013).

Ngày 21/6/2013, bà Đỗ NH đã cầm số TB0-581191 để vay số tiền 35.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.195.13/HĐTD-STK, lãi suất 11%/năm, thời gian vay 61 ngày (từ ngày 21/6/2013 – 21/8/2013).

Ngày 21/6/2013, bà Đỗ NH đã cầm số TB0-593750 để vay số tiền 700.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.196.13/HĐTD-STK, lãi suất 12,5%/năm, thời gian vay 61 ngày (từ ngày 21/6/2013 – 21/8/2013).

Các khoản vay này đã được tất toán vào ngày 21/8/2013.

Bản án hình sự phúc thẩm số 30 **tại trang 129** đã quyết định: *"Giải tỏa kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV* ***tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng****, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013* ***theo đúng quy định pháp luật****".* Trong 124 sổ tiết kiệm nêu trên, có 10 sổ tiết kiệm đứng tên bà Đỗ NH.

Theo Bản án phúc thẩm số 30 thì số nợ gốc của các khoản vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 "*được xem là chưa tất toán"* là 5.190 tỷ đồng *(Năm ngàn một trăm chín mươi tỷ đồng).* Trong đó, số tiền được xem là chưa tất toán của Bà Đỗ NH vào các ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013 và ngày 30/7/2013 là 364.000.000.000 đồng.

Nay, bà Đỗ NH có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 3 buộc bị đơn tất toán các hợp đồng tín dụng của bà Đỗ NH tại Ngân hàng, bà Đỗ NH yêu cầu trả tiền gốc đã vay của cá nhân bà Đỗ NH là 364.000.000.000 đồng (trong tổng số tiền vay 5.190 tỷ đồng mà Bản án phúc thẩm số 30 đã tuyên), riêng tiền lãi bà Đỗ NH đã thanh toán nên không đồng ý trả. Đối với 10 sổ tiết kiệm TB0-581186, TB0-581185, TB0-581184, TB0-581183, TB0-581182, TB0-581181, TB0-581180, TB0-581179, TB0-581191, TB0-592750 đang gửi tại Ngân hàng, bà Đỗ NH yêu cầu được nhận đầy đủ gốc và lãi suất từ ngày gửi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, cụ thể tiền gốc là 390.780.291.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tạm tính theo lãi suất ghi trên các sổ tiết kiệm tính đến ngày 12/8/2019 là 202.081.366.553 đồng. Tổng cộng 592.861.657.553 đồng. Như vậy, Bà Đỗ NH yêu cầu cấn trừ số tiền trong sổ tiết kiệm vào số tiền bà Đỗ NH đã vay vào ngày 21/6/2013. Bà Đỗ NH còn thừa 228.861.657.553 đồng và tiền lãi phát sinh của các sổ tiết kiệm kể từ ngày 13/8/2019 đến ngày Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV thực trả đủ tiền cho bà Đỗ NH.

4-Ông Trần QT: có 14 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP ĐT – Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV), cụ thể như sau:

1. Sổ tiết kiệm số: TB0-472254 ngày 25/10/2013, số tiền gửi: 20.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 13 tháng, lãi suất 0,9167%/tháng,

2. Sổ tiết kiệm số: TB0-512627 ngày 04/12/2013, số tiền gửi: 1.987.222.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

3. Sổ tiết kiệm số: TB0-512620 ngày 03/12/2013, số tiền gửi: 32.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

4. Sổ tiết kiệm số: TB0-484052 ngày 10/11/2013, số tiền gửi: 1.421.200.000 đồng, thời hạn gửi là 13 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

5. Sổ tiết kiệm số: TB0-472209 ngày 18/10/2013, số tiền gửi: 19.000.000.000 đồng, thời hạn gửi: 13 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

6. Sổ tiết kiệm số: TB0-472225 ngày 20/10/2013, số tiền gửi: 20.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 13 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

7. Sổ tiết kiệm số: TB0-472253 ngày 25/10/2013, số tiền gửi: 1.585.040.000 đồng, thời hạn gửi là 13 tháng, lãi suất: 0,9167%/tháng;

8. Sổ tiết kiệm số: TB0-621673 ngày 22/7/2013, số tiền gửi: 5.246.875.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất: 0,9167%/tháng;

9. Sổ tiết kiệm số: TB0-439358 ngày 09/7/2013, số tiền gửi: 4.392.167.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất: 0,873%/tháng;

10. Sổ tiết kiệm số: TB0-472245 ngày 24/10/2013, số tiền gửi: 38.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất: 0,9167%/tháng;

11. Sổ tiết kiệm số: TB0-472261 ngày 26/10/2013, số tiền gửi: 19.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất: 0,9167%/tháng;

12. Sổ tiết kiệm số: TB0-484029 ngày 8/11/2013, số tiền gửi: 30.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất: 0,9167%/tháng;

13. Sổ tiết kiệm số: TB0-484051 ngày 10/11/2013, số tiền gửi: 34.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất: 0,9167%/tháng;

14. Sổ tiết kiệm số: TB0-621671 ngày 22/7/2013, số tiền gửi: 200.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất: 0,9167%/tháng;

Tổng số tiền gửi gốc là: 426.632.504.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019 là: 214.114.488.847 đồng. Tổng cộng là: 640.746.992.847 đồng.

Ngày 21/6/2013, ông Trần QT đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-621671, TB0-621673 để vay số tiền 51.640.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.188.13/HĐTD-STK, lãi suất 11,5%/năm, thời gian vay 61 ngày (từ ngày 21/6/2013 – 21/8/2013).

Ngày 21/6/2013, ông Trần QT đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-621671, TB0-621673, TB0-439358 để vay số tiền 78.150.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.189.13/HĐTD-STK, lãi suất 11%/năm, thời gian vay 61 ngày (từ ngày 21/6/2013 – 21/8/2013).

Ngày 21/6/2013, ông Trần QT đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-472209, TB0-472225, TB0-472230, TB0-472245, TB0-472253, TB0-472254, TB0-472261, TB0-484029, TB0-484051, TB0-484052 để vay số tiền 172.100.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.190.13/HĐTD-STK, lãi suất 11,5004%/năm, thời gian vay 61 ngày (từ ngày 21/6/2013 – 21/8/2013).

Ngày 21/6/2013, ông Trần QT đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-512620, TB0-512626, TB0-512627 để vay số tiền 93.510.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.191.13/HĐTD-STK, lãi suất 12,5%/năm. Phụ lục hợp đồng số: 01/040.191.13/SĐBS HĐTD- STK điều chỉnh sang các sổ tiết kiệm số: TB0-621671, TB0-621673, TB0-512620, TB0-512627.

Ngày 21/6/2013, ông Trần QT đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-512620, TB0-512626, TB0-512627 để vay số tiền 4.600.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.192.13/HĐTD-STK, lãi suất 11,9%/năm. Phụ lục hợp đồng số: 01/040.192.13/ SĐBS HĐTD- STK điều chỉnh sang các sổ tiết kiệm số: TB0-621671, TB0-621673.

Các khoản vay này đã được tất toán vào ngày 21/8/2013.

Bản án hình sự phúc thẩm số 30 **tại trang 129** đã quyết định: *" Giải tỏa kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV* ***tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng****, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013* ***theo đúng quy định pháp luật****".* Trong 124 sổ tiết kiệm nêu trên, có 14 sổ tiết kiệm đứng tên Ông Trần QT.

Theo Bản án phúc thẩm số 30 thì số nợ gốc của các khoản vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 "*được xem là chưa tất toán"* là 5.190 tỷ đồng *(Năm ngàn một trăm chín mươi tỷ đồng).* Trong đó, số tiền được xem là chưa tất toán của ông Trần QT vào các ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013 và ngày 30/7/2013 là 400.000.000.000 đồng.

Nay, ông Trần QT có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 3 buộc bị đơn tất toán các hợp đồng tín dụng của ông Trần QT tại Ngân hàng, ông Trần QT yêu cầu trả tiền gốc đã vay là 400.000.000.000 đồng (trong tổng số tiền vay 5.190 tỷ đồng mà Bản án phúc thẩm số 30 đã tuyên), riêng tiền lãi ông Trần QT đã thanh toán nên không đồng ý tiếp tục trả. Đối với 14 sổ tiết kiệm TB0-472209, TB0-472225, TB0-472245, TB0-472253, TB0-472254, TB0-472261, TB0-484029, TB0-484051, TB0-484052, TB0-621671, TB0-621673, TB0-512620, TB0-512627, TB0-439358 đang gửi tại Ngân hàng, ông Trần QT yêu cầu được nhận đầy đủ gốc và lãi suất từ ngày gửi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, cụ thể tiền gốc là 426.632.504.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tạm tính theo lãi suất ghi trên các sổ tiết kiệm tính đến ngày 12/8/2019 là 214.114.488.847 đồng. Tổng cộng là 640.746.992.847 đồng. Như vậy, ông Trần QT yêu cầu cấn trừ số tiền trong sổ tiết kiệm vào số tiền Ông Trần QT đã vay vào ngày 21/6/2013. Ông Trần QT còn thừa 240.746.992.847 đồng và tiền lãi phát sinh của các sổ tiết kiệm kể từ ngày 13/8/2019 đến ngày Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV thực trả đủ tiền cho ông Trần QT.

5-Ông Đoàn VD: có 15 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng TMCP ĐT – Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV). Các sổ tiết kiệm cụ thể như sau:

1. Sổ tiết kiệm số: TB0-617674 ngày 10/6/2013, số tiền gửi: 100.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng,

2. Sổ tiết kiệm số: TB0-647525 ngày 21/10/2013, số tiền gửi: 11.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 13 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng,

3. Sổ tiết kiệm số: TB0-617678 ngày 21/6/2013, số tiền gửi: 108.500.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng,

4. Sổ tiết kiệm số: TB0-647526 ngày 22/6/2013, số tiền gửi: 9.997.958.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,8750%/tháng,

5. Sổ tiết kiệm số: TB0-647562 ngày 22/01/2013, số tiền gửi: 29.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9500%/tháng,

6. Sổ tiết kiệm số: TB0-647592 ngày 27/8/2013, số tiền gửi: 1.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,8333%/tháng;

7. Sổ tiết kiệm số: TB0-622967 ngày 30/7/ 2013, số tiền gửi: 7.735.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

8. Sổ tiết kiệm số: TB0-622960 ngày 22/6/2013, số tiền gửi: 3.710.772.500 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

9. Sổ tiết kiệm số: TB0-622961 ngày 25/6/2013, số tiền gửi: 8.713.313.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,8750%/tháng;

10. Sổ tiết kiệm số: TB0-622962 ngày 27/6/2013, số tiền gửi: 10.905.494.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

11. Sổ tiết kiệm số: TB0-622963 ngày 27/6/2013, số tiền gửi: 32.960.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

12. Sổ tiết kiệm số: TB0-622964 ngày 27/6/2013, số tiền gửi: 501.267.000

đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

13. Sổ tiết kiệm số: TB0-622965 ngày 08/7/2013, số tiền gửi: 4.486.458.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

14. Sổ tiết kiệm số: TB0-622966 ngày 10/7/2013, số tiền gửi: 1.725.444.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

15. Sổ tiết kiệm số: TB0-622969 ngày 09/7/2013, số tiền gửi: 2.387.868.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng.

Tổng số tiền gửi gốc là: 332.623.574.500 đồng, số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019 là 172.077.250.096 đồng. Tổng cộng là: 504.700.824.596 đồng.

Ngày 21/6/2013, ông Đoàn VD đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-617678 và TB0-617674 để vay số tiền 190.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.197.13/HĐTD-STK, lãi suất 11,5%/năm, thời gian vay 61 ngày (từ ngày 21/6/2013 – 21/8/2013).

Ngày 30/7/2013, ông Đoàn VD đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-622960, TB0-622961, TB0-622963, TB0-622962, TB0-622964, TB0-622966, TB0-622965, TB0-622967, TB0-622969 để vay số tiền 68.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.263.13/HĐTD-STK, lãi suất 11,5000%/năm.

Các khoản vay này đã được tất toán vào ngày 21/8/2013 và 26/8/2013.

Bản án hình sự phúc thẩm số 30 **tại trang 129** đã quyết định:*"Giải tỏa kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV* ***tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng****, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013* ***theo đúng quy định pháp luật****".* Trong 124 sổ tiết kiệm nêu trên, có 15 sổ tiết kiệm đứng tên Ông Đoàn VD.

Theo Bản án phúc thẩm số 30 thì số nợ gốc của các khoản vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 "*được xem là chưa tất toán"* là 5.190 tỷ đồng *(Năm ngàn một trăm chín mươi tỷ đồng).* Trong đó, số tiền được xem là chưa tất toán của ông Đoàn VD vào các ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013 và ngày 30/7/2013 là 258.000.000.000 đồng.

Nay, ông Đoàn VD có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 3 buộc bị đơn tất toán các hợp đồng tín dụng của ông Đoàn VD tại Ngân hàng, ông Đoàn VD yêu cầu trả tiền gốc đã vay là 258.000.000.000 đồng (trong tổng số tiền vay 5.190 tỷ đồng mà Bản án phúc thẩm số 30 đã tuyên), riêng tiền lãi ông Đoàn VD đã thanh toán nên không đồng ý tiếp tục trả. Đối với 15 sổ tiết kiệm TB0-617678, TB0-617674, TB0-622960, TB0-622961, TB0-622963, TB0-622962, TB0-622964, TB0-622966, TB0-622965, TB0-622967, TB0-622969, TB0-647562, TB0-647592, TB0-647525, TB0-647526 đang gửi tại Ngân hàng, ông Đoàn VD yêu cầu được nhận đầy đủ gốc và lãi suất từ ngày gửi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, cụ thể tiền gốc là 332.623.574.500 đồng, số tiền lãi phát sinh tạm tính theo lãi suất ghi trên các sổ tiết kiệm tính đến ngày 12/8/2019 là 172.077.250.096 đồng. Tổng cộng là 504.700.824.596 đồng. Như

vậy, ông Đoàn VD yêu cầu cấn trừ số tiền trong sổ tiết kiệm vào số tiền ông Đoàn VD đã vay vào ngày 21/6/2013 và 30/7/2013. Ông Đoàn VD còn thừa 246.700.824.596 đồng và tiền lãi phát sinh của các sổ tiết kiệm kể từ ngày 13/8/2019 đến ngày Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV thực trả đủ tiền cho ông Đoàn VD.

6-Ông Võ CH: có 03 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP ĐT – Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV), cụ thể như sau:

1. Sổ tiết kiệm số: TB0-616401 ngày 21/01/2013, số tiền gửi là 375.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9500%/tháng,

2. Sổ tiết kiệm số: TB0-616402 ngày 18/01/2013, số tiền gửi: 49.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9500%/tháng,

3. Sổ tiết kiệm số: TB0-616403 ngày 17/01/2013, số tiền gửi: 9.583.278.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất: 0,9500%/tháng.

Tổng số tiền gửi gốc là 433.583.278.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019 là 225.725.141.477 đồng. Tổng cộng là 659.308.419.477 đồng.

Ngày 26/7/2013, Ông Võ CH đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-616401, TB0-616402, TB0-616403 để vay số tiền 400.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.246.13/HĐTD-STK, lãi suất 11.9%/năm, thời gian vay 31 ngày (từ ngày 26/7/2013 – 26/8/2013).

Các khoản vay này đã được tất toán vào ngày 26/8/2013.

Bản án hình sự phúc thẩm số 30 **tại trang 129** đã quyết định:

"Giải tỏa kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV ***tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng****, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013* ***theo đúng quy định pháp luật****".* Trong 124 sổ tiết kiệm nêu trên, có 03 sổ tiết kiệm đứng tên Ông Võ CH.

Theo Bản án phúc thẩm số 30 thì số nợ gốc của các khoản vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 "*được xem là chưa tất toán"* là 5.190 tỷ đồng *(Năm ngàn một trăm chín mươi tỷ đồng).* Trong đó, số tiền được xem là chưa tất toán của Ông Võ CH vào các ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013 và ngày 30/7/2013 là 400.000.000.000 đồng.

Nay, ông Võ CH có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 3 buộc bị đơn tất toán các hợp đồng tín dụng của ông Võ CH tại ngân hàng, Ông Võ CH yêu cầu trả tiền gốc đã vay là 400.000.000.000 đồng (trong tổng số tiền vay 5.190 tỷ đồng mà Bản án phúc thẩm số 30 đã tuyên), riêng tiền lãi ông Võ CH đã thanh toán nên không đồng ý tiếp tục trả. Đối với 03 sổ tiết kiệm TB0-616401, TB0-616402, TB0-616403 đang gửi tại Ngân hàng, ông Võ CH yêu cầu được nhận đầy đủ gốc và lãi suất từ ngày gửi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, cụ thể tiền gốc là: 433.583.278.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tạm tính theo lãi suất ghi trên các sổ tiết kiệm tính đến ngày 12/8/2019 là 225.725.141.477 đồng. Tổng cộng là**:** 659.308.419.477 đồng. Như vậy, ông Võ CH yêu cầu cấn trừ số

tiền trong sổ tiết kiệm vào số tiền Ông Võ CH đã vay vào ngày 26/7/2013. Ông Võ CH còn thừa 259.308.419.477 đồng và tiền lãi phát sinh của các sổ tiết kiệm kể từ ngày 13/8/2019 đến ngày Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV thực trả đủ tiền cho ông Võ CH.

7-Bà Lê TC: có 05 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng TMCP ĐT – Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV), cụ thể như sau:

1. Sổ tiết kiệm số: TB0-553727 ngày 22/02/2013, số tiền gửi: 33.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,95%/tháng,

2. Sổ tiết kiệm số: TB0-553728, ngày 02/2/2013, số tiền gửi: 100.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,95%/tháng;

3. Sổ tiết kiệm số: TB0-553729 ngày 22/6/2012, số tiền gửi: 173.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,95%/tháng,

4. Sổ tiết kiệm số: TB0-553731 ngày 17/01/2013, số tiền gửi: 85.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất: 0,95%/tháng,

5. Sổ tiết kiệm số: TB0-553730 ngày 17/01/2013, số tiền gửi: 33.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất: 0,95%/tháng.

Tổng số tiền gửi gốc là 424.000.000.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019 là 221.528.905.731 đồng. Tổng cộng là 645.528.905.731 đồng.

Ngày 26/7/2013, bà Lê TC đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-553727, TB0-553730, TB0-553728, TB0-553733, TB0-553731 để vay số tiền 248.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.249.13/HĐTD-STK, lãi suất 11,9%/năm.

Ngày 26/7/2013, bà Lê TC đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-553729 để vay số tiền 152.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.248.13/HĐTD-STK, lãi suất 11%/năm, thời gian vay 31 ngày (từ ngày 26/7/2013 – 26/8/2013.

Các khoản vay này đã được tất toán vào ngày 26/8/2013.

Bản án hình sự phúc thẩm số 30 **tại trang 129** đã quyết định: *" Giải tỏa kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV* ***tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng****, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013* ***theo đúng quy định pháp luật****".* Trong 124 sổ tiết kiệm nêu trên có 05 sổ tiết kiệm đứng tên Bà Lê TC

Theo Bản án phúc thẩm số 30 thì số nợ gốc của các khoản vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 "*được xem là chưa tất toán"* là 5.190 tỷ đồng *(Năm ngàn một trăm chín mươi tỷ đồng).* Trong đó, số tiền được xem là chưa tất toán của Bà Lê TC vào các ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013 và ngày 30/7/2013 là 400.000.000.000 đồng.

Nay, bà Lê TC có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 3 buộc bị đơn tất toán các hợp đồng tín dụng của bà Lê TC tại Ngân hàng, bà Lê TC yêu cầu trả tiền gốc đã vay là 400.000.000.000 đồng (trong tổng số tiền vay

5.190 tỷ đồng mà Bản án phúc thẩm số 30 đã tuyên), riêng tiền lãi bà Lê TC đã thanh toán nên không đồng ý tiếp tục trả. Đối với 05 sổ tiết kiệm TB0-553727, TB0-553730, TB0-553728, TB0-553731, TB0-553729 đang gửi tại Ngân hàng, bà Lê TC yêu cầu được nhận đầy đủ gốc và lãi suất từ ngày gửi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, cụ thể tiền gốc là: 424.000.000.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tạm tính theo lãi suất ghi trên các sổ tiết kiệm tính đến ngày 12/8/2019 là 221.528.905.731 đồng. Tổng cộng là 645.528.905.731 đồng. Như vậy, bà Lê TC yêu cầu cấn trừ số tiền trong sổ tiết kiệm vào số tiền bà Lê TC đã vay vào ngày 26/7/2013. Bà Lê TC còn thừa 245.528.905.731 đồng và tiền lãi phát sinh của các sổ tiết kiệm kể từ ngày 13/8/2019 đến ngày Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV thực trả đủ tiền cho Bà Lê TC.

8- Ông Phan VT: có 18 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng TMCP ĐT – Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV), cụ thể như sau:

1. Sổ tiết kiệm số: TB0-593874 ngày 20/10/2013, số tiền gửi: 542.251.000 đồng, thời hạn gửi là 13 tháng, lãi suất gửi: 11%/năm,

2. Sổ tiết kiệm số: TB0-593876 ngày 20/10/2013, số tiền gửi: 833.889.000 đồng, thời hạn gửi là 13 tháng, lãi suất gửi: 11%/năm;

3. Sổ tiết kiệm số: TB0-593877 ngày 21/10/2013, số tiền gửi: 458.639.000 đồng, thời hạn gửi là 13 tháng, lãi suất gửi: 11%/năm,

4. Sổ tiết kiệm số: TB0-593878 ngày 27/10/2013, số tiền gửi: 792.520.000 đồng, thời hạn gửi là 13 tháng, lãi suất: 11%/năm,

5. Sổ tiết kiệm số: TB0-593879 ngày 09/11/2013, số tiền gửi: 627.000.000 đồng, thời hạn gửi là 13 tháng, lãi suất: 11%/năm,

6. Sổ tiết kiệm số: TB0-593880 ngày 11/11/2013, số tiền gửi: 627.000.000 đồng, thời hạn gửi là 13 tháng, lãi suất gửi: 11%/năm;

7. Sổ tiết kiệm số: TB0-593881 ngày 12/11/2013, số tiền gửi: 585.200.000 đồng, thời hạn gửi là 13 tháng, lãi suất gửi: 11%/năm;

8. Sổ tiết kiệm số: TB0-593871 ngày 03/5/2013, số tiền gửi: 50.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,875%/tháng;

9. Sổ tiết kiệm số: TB0-593870 ngày 03/5/2013, số tiền gửi: 1.267.361.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,875%/tháng;

10. Sổ tiết kiệm số: TB0-593872 ngày 13/5/2013, số tiền gửi: 89.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,875%/tháng;

11. Sổ tiết kiệm số: TB0-593873 ngày 13/5/2013, số tiền gửi: 2.255.903.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,875%/tháng;

12. Sổ tiết kiệm số: TB0-593889 ngày 27/5/2013, số tiền gửi: 200.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

13. Sổ tiết kiệm số: TB0-593890 ngày 27/5/2013, số tiền gửi: 6.960.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

14. Sổ tiết kiệm số: TB0-593891 ngày 27/5/2013, số tiền gửi: 4.055.556.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

15. Sổ tiết kiệm số: TB0-593892 ngày 27/5/2013, số tiền gửi: 141.133.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

16. Sổ tiết kiệm số: TB0-622916 ngày 25/7/2013, số tiền gửi: 3.282.467.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

17. Sổ tiết kiệm số: TB0-647591 ngày 27/8/2013, số tiền gửi: 6.600.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,8333%/tháng.

18. Sổ tiết kiệm số: TB0-593875 ngày 20/10/2013, số tiền gửi: 792.845.000 đồng, thời hạn gửi là 13 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng.

Tổng số tiền gửi gốc là: 368.821.764.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019 là 194.844.256.387 đồng. Tổng cộng là 563.666.020.387 đồng.

Ngày 26/7/2013, ông Phan VT đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-593870, TB0-593871, TB0-593873, TB0-593872 để vay số tiền 137.393.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.251.13/HĐTD-STK, lãi suất 11%/năm, thời gian vay từ ngày 26/7/2013 đến 26/8/2013.

Ngày 26/7/2013, ông Phan VT đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-593874, TB0-593875, TB0-593876, TB0-593877, TB0-593878, TB0-593879, TB0-593880, TB0-593881 để vay số tiền 4.670.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.252.13/HĐTD-STK, lãi suất 11,5004%/năm, thời gian vay từ ngày 26/7/2013 đến 26/8/2013.

Ngày 26/7/2013, ông Phan VT đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-593889, TB0-593890, TB0-593891, TB0-593892 để vay số tiền 205.177.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.253.13/HĐTD-STK, lãi suất 11,5%/năm, thời gian vay từ ngày 26/7/2013 đến 26/8/2013.

Ngày 26/7/2013, ông Phan VT đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-622916 để vay số tiền 2.760.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.259.13/HĐTD-STK, lãi suất 11,5%/năm, thời gian vay từ ngày 26/7/2013 đến 26/8/2013.

Các khoản vay này đã được tất toán vào ngày 26/8/2013.

Bản án hình sự phúc thẩm số 30 **tại trang 129** đã quyết định: *" Giải tỏa kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV* ***tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng****, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013* ***theo đúng quy định pháp luật****".* Trong 124 sổ tiết kiệm nêu trên, có 18 sổ tiết kiệm đứng tên Ông Phan VT.

Theo Bản án phúc thẩm số 30 thì số nợ gốc của các khoản vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 "*được xem là chưa tất toán"* là 5.190 tỷ đồng *(Năm ngàn một trăm chín mươi tỷ đồng).* Trong đó, số tiền được xem là chưa tất toán của Ông Phan VT vào các ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013 và ngày 30/7/2013 là 350.000.000.000 đồng.

Nay, ông Phan VT có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 3 buộc bị đơn tất toán các hợp đồng tín dụng của ông Phan VT tại Ngân hàng,

Ông Phan VT yêu cầu trả tiền gốc đã vay là 350.000.000.000 đồng (trong tổng số tiền vay 5.190 tỷ đồng mà Bản án phúc thẩm số 30 đã tuyên), riêng tiền lãi ông Phan VT đã thanh toán nên không đồng ý tiếp tục trả. Đối với 18 sổ tiết kiệm TB0-593870, TB0-593871, TB0-593873, TB0-593872, TB0-593874, TB0-593875, TB0-593876, TB0-593877, TB0-593878, TB0-593879, TB0-593880, TB0-593881, TB0-622916, TB0-593891, TB0-593889, TB0-593890, TB0-593892, TB0-647591 đang gửi tại Ngân hàng, ông Phan VT yêu cầu được nhận đầy đủ gốc và lãi suất từ ngày gửi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, cụ thể tiền gốc là: 368.821.764.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tạm tính theo lãi suất ghi trên các sổ tiết kiệm tính đến ngày 12/8/2019 là 194.844.256.387 đồng. Tổng cộng là 563.666.020.387 đồng. Như vậy, ông Phan VT yêu cầu cấn trừ số tiền trong sổ tiết kiệm vào số tiền Ông Phan VT đã vay vào ngày 26/7/2013. Ông Phan VT còn thừa 213.666.020.387 đồng và tiền lãi phát sinh của các sổ tiết kiệm kể từ ngày 13/8/2019 đến ngày Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV thực trả đủ tiền cho ông Phan VT.

9- Ông Nguyễn TG: có 07 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng TMCP ĐT – Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV), cụ thể như sau:

1. Sổ tiết kiệm số: TB0-553750 ngày 28/20/2013, số tiền gửi: 2.688.833.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất 0,9500%/tháng,

2. Sổ tiết kiệm số: TB0-553751 ngày 28/02/2013, số tiền gửi: 2.033.861.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất 0,9500%/tháng,

3. Sổ tiết kiệm số: TB0-553752 ngày 28/02/2013, số tiền gửi: 78.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất: 0,9500%/tháng,

4. Sổ tiết kiệm số: TB0-553753 ngày 28/02/2013, số tiền gửi: 59.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9500%/tháng,

5. Sổ tiết kiệm số: TB0-553762 ngày 01/3/2013 số tiền gửi: 120.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất: 0,9500%/tháng,

6. Sổ tiết kiệm số: TB0-553763 ngày 01/3/2013 số tiền gửi: 140.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9500%/tháng,

7. Sổ tiết kiệm số: TB0-553768 ngày 01/3/2013 số tiền gửi: 24.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất: 0,9500%/tháng.

Tổng số tiền gửi gốc Ông Nguyễn TG gửi là 425.722.694.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019 là 226.334.504.481 đồng. Tổng cộng là 652.057.198.481 đồng.

Ngày 21/6/2013, ông Nguyễn TG đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-553750, TB0-553751, TB0-553752, TB0-553753, TB0-553768, TB0-553762, TB0-553763 để vay số tiền 396.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.193.13/HĐTD-STK, lãi suất 11,9%/năm, thời gian vay từ ngày 21/6/2013 đến 21/8/2013.

Các khoản vay này đã được tất toán vào ngày 21/8/2013.

Bản án hình sự phúc thẩm số 30 **tại trang 129** đã quyết định: *" Giải tỏa*

kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV ***tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng****, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013* ***theo đúng quy định pháp luật****".* Trong 124 sổ tiết kiệm nêu trên, có 07 sổ tiết kiệm đứng tên Ông Nguyễn TG.

Theo Bản án phúc thẩm số 30 thì số nợ gốc của các khoản vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 "*được xem là chưa tất toán"* là 5.190 tỷ đồng *(Năm ngàn một trăm chín mươi tỷ đồng).* Trong đó, số tiền được xem là chưa tất toán của Ông Nguyễn TG vào các ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013 và ngày 30/7/2013 là 396.000.000.000 đồng.

Nay, ông Nguyễn TG có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 3 buộc bị đơn tất toán các hợp đồng tín dụng của ông Nguyễn TG tại ngân hàng, ông Nguyễn TG yêu cầu trả tiền gốc đã vay là 396.000.000.000 đồng (trong tổng số tiền vay 5.190 tỷ đồng mà Bản án phúc thẩm số 30 đã tuyên), riêng tiền lãi ông Nguyễn TG đã thanh toán nên không đồng ý tiếp tục trả. Đối với 07 sổ tiết kiệm TB0-553750, TB0-553751, TB0-553752, TB0-553753, TB0-553768, TB0-553762, TB0-553763 đang gửi tại Ngân hàng, ông Nguyễn TG yêu cầu được nhận đầy đủ gốc và lãi suất từ ngày gửi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, cụ thể tiền gốc là: 425.722.694.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tạm tính theo lãi suất ghi trên các sổ tiết kiệm tính đến ngày 12/8/2019 là 226.334.504.481 đồng. Tổng cộng là 652.057.198.481 đồng. Như vậy, ông Nguyễn TG yêu cầu cấn trừ số tiền trong sổ tiết kiệm vào số tiền ông Nguyễn TG đã vay vào ngày 21/6/2013. Ông Nguyễn TG còn thừa 256.057.198.481 đồng và tiền lãi phát sinh của các sổ tiết kiệm kể từ ngày 13/8/2019 đến ngày Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV thực trả đủ tiền cho ông Nguyễn TG.

10- Ông Phan DH: có 04 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP ĐT – Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV), cụ thể như sau:

1. Sổ tiết kiệm số: TB0-616405 ngày 30/01/2013, số tiền gửi: 405.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0.9500%/tháng;

2. Sổ tiết kiệm số: TB0-616404 ngày 30/01/2013, số tiền gửi: 13.961.250.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0.9500%/tháng;

3. Sổ tiết kiệm số: TB0-616407 ngày 02/02/2013, số tiền gửi: 3.447.222.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0.9500%/tháng;

4. Sổ tiết kiệm số: TB0-616406 ngày 23/02/2013, số tiền gửi: 4.136.667.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất: 0.9500%/ tháng.

Tổng số tiền gửi gốc là 426.545.139.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019 là 225.483.162.398 đồng. Tổng cộng là 652.028.301.398 đồng.

Ngày 26/7/2013, ông Phan DH đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-616404, TB0-616405, TB0-616406 và TB0-616407 để vay số tiền 398.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.250.13/HĐTD-STK, lãi suất 11,9%/năm, thời

gian vay từ ngày 26/7/2013 đến 26/8/2013.

Các khoản vay này đã được tất toán vào ngày 26/8/2013.

Bản án hình sự phúc thẩm số 30 **tại trang 129** đã quyết định: *"Giải tỏa kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV* ***tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng****, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013* ***theo đúng quy định pháp luật****".* Trong 124 sổ tiết kiệm nêu trên, có 04 sổ tiết kiệm đứng tên Ông Phan DH.

Theo Bản án phúc thẩm số 30 thì số nợ gốc của các khoản vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 "*được xem là chưa tất toán"* là 5.190 tỷ đồng *(Năm ngàn một trăm chín mươi tỷ đồng).* Trong đó, số tiền được xem là chưa tất toán của ông Phan DH vào các ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013 và ngày 30/7/2013 là 398.000.000.000 đồng.

Nay, ông Phan DH có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 3 buộc bị đơn tất toán các hợp đồng tín dụng của ông Phan DH tại Ngân hàng, ông Phan DH yêu cầu trả tiền gốc đã vay là 398.000.000.000 đồng (trong tổng số tiền vay 5.190 tỷ đồng mà Bản án phúc thẩm số 30 đã tuyên), riêng tiền lãi ông Phan DH đã thanh toán nên không đồng ý tiếp tục trả. Đối với 04 sổ tiết kiệm TB0-616404, TB0-616405, TB0-616406, TB0-616407 đang gửi tại Ngân hàng, ông Phan DH yêu cầu được nhận đầy đủ gốc và lãi suất từ ngày gửi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, cụ thể tiền gốc là 426.545.139.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tạm tính theo lãi suất ghi trên các sổ tiết kiệm tính đến ngày 12/8/2019 là 225.483.162.398 đồng. Tổng cộng là: 652.028.301.398 đồng. Như vậy, ông Phan DH yêu cầu cấn trừ số tiền trong sổ tiết kiệm vào số tiền ông Phan DH đã vay vào ngày 26/7/2013. Ông Phan DH còn thừa 254.028.301.398 đồng và tiền lãi phát sinh của các sổ tiết kiệm kể từ ngày 13/8/2019 đến ngày Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV thực trả đủ tiền cho ông Phan DH.

11- Ông Tống NT: có 06 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng TMCP ĐT – chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV), cụ thể như sau:

1. Sổ tiết kiệm số: TB0-622952 ngày 22/7/2013, số tiền gửi: 10.720.510.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

2. Sổ tiết kiệm số: TB0-622954 ngày 25/7/2013, số tiền gửi: 195.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

3. Sổ tiết kiệm số: TB0-622955 ngày 25/7/2013, số tiền gửi: 1.977.083.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng;

4. Sổ tiết kiệm số: TB0-622956 ngày 26/7/2013, số tiền gửi: 28.840.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất: 0,9167%/tháng;

5. Sổ tiết kiệm số: TB0-622968 ngày 22/7/2013, số tiền gửi: 145.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất: 0,9167%/tháng,

6. Sổ tiết kiệm số: TB0-647593 ngày 27/8/2013, số tiền gửi: 7.400.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,8333%/tháng.

Tổng số tiền gửi gốc ông Tống NT gửi là 388.937.593.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019 là 191.389.615.286 đồng. Tổng cộng là 580.327.208.286 đồng.

Ngày 30/7/2013, ông Tống NT đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-622952, TB0-622968, TB0-622954, TB0-622955,TB0-622956 để vay số tiền 374.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.264.13/HĐTD-STK, lãi suất 11,5%/năm, thời gian vay từ ngày 30/7/2013 đến 27/8/2013.

Các khoản vay này đã được tất toán vào ngày 26/8/2013.

Bản án hình sự phúc thẩm số 30 **tại trang 129** đã quyết định: *" Giải tỏa kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV* ***tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng****, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013* ***theo đúng quy định pháp luật****".* Trong 124 sổ tiết kiệm nêu trên, có 06 sổ tiết kiệm đứng tên Ông Tống NT.

Theo Bản án phúc thẩm số 30 thì số nợ gốc của các khoản vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 "*được xem là chưa tất toán"* là 5.190 tỷ đồng *(Năm ngàn một trăm chín mươi tỷ đồng).* Trong đó, số tiền được xem là chưa tất toán của ông Tống NT vào các ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013 và ngày 30/7/2013 là 374.000.000.000 đồng.

Nay, ông Tống NT có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 3 buộc bị đơn tất toán các hợp đồng tín dụng của ông Tống NT tại Ngân hàng, ông Tống NT yêu cầu trả tiền gốc đã vay là 374.000.000.000 đồng (trong tổng số tiền vay 5.190 tỷ đồng mà Bản án phúc thẩm số 30 đã tuyên), riêng tiền lãi ông Tống NT đã thanh toán nên không đồng ý tiếp tục trả. Đối với 06 sổ tiết kiệm TB0-622952, TB0-622968, TB0-622954; TB0-622955, TB0-622956, TB0-647593 đang gửi tại Ngân hàng, ông Tống NT yêu cầu được nhận đầy đủ gốc và lãi suất từ ngày gửi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, cụ thể tiền gốc là: 388.937.593.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tạm tính theo lãi suất ghi trên các sổ tiết kiệm tính đến ngày 12/8/2019 là 191.389.615.286 đồng. Tổng cộng là 580.327.208.286 đồng. Như vậy, ông Tống NT yêu cầu cấn trừ số tiền trong sổ tiết kiệm vào số tiền ông Tống NT đã vay vào ngày 30/7/2013. Ông Tống NT còn thừa 206.327.208.286 đồng và tiền lãi phát sinh của các sổ tiết kiệm kể từ ngày 13/8/2019 đến ngày Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV thực trả đủ tiền cho ông Tống NT.

12- Ông Trần ĐT: có 06 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng TMCP ĐT – Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV), cụ thể như sau:

1. Sổ tiết kiệm số: TB0-622920 ngày 23/02/2013, số tiền gửi: 108.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9500%/tháng,

2. Sổ tiết kiệm số: TB0-647520, ngày 27/3/2013, số tiền gửi: 220.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,8750%/tháng;

3. Sổ tiết kiệm số: TB0-647521 ngày 27/3/2013, số tiền gửi:

1.794.583.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,8750%/tháng,

4. Sổ tiết kiệm số: TB0-647522 ngày 27/3/2013, số tiền gửi: 59.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất: 0,8750%/tháng,

5. Sổ tiết kiệm số : TB0-647523 ngày 26/3/2013, số tiền gửi: 1.128.458.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất: 0,8750%/tháng,

6. Sổ tiết kiệm số: TB0-647524 ngày 26/10/2013, số tiền gửi: 834.232.000 đồng, thời hạn gửi là 13 tháng, lãi suất: 0,9167%/tháng.

Tổng số tiền gửi gốc là 390.757.273.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019 là 199.404.456.102 đồng. Tổng cộng là 590.161.729.102 đồng.

Ngày 26/7/2013, ông Trần ĐT đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-622920 để vay số tiền 100.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.257.13/HĐTD-STK, lãi suất 11,9%/năm, thời gian vay từ ngày 26/7/2013 đến 26/8/2013.

Các khoản vay này đã được tất toán vào ngày 26/8/2013.

Bản án hình sự phúc thẩm số 30 **tại trang 129** đã quyết định: *"Giải tỏa kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV* ***tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng****, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013* ***theo đúng quy định pháp luật****".* Trong 124 sổ tiết kiệm nêu trên, có 06 sổ tiết kiệm đứng tên Ông Trần ĐT.

Theo Bản án phúc thẩm số 30 thì số nợ gốc của các khoản vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 "*được xem là chưa tất toán"* là 5.190 tỷ đồng *(Năm ngàn một trăm chín mươi tỷ đồng).* Trong đó, số tiền được xem là chưa tất toán của ông Trần ĐT vào các ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013 và ngày 30/7/2013 là 100.000.000.000 đồng.

Nay, ông Trần ĐT có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 3 buộc bị đơn tất toán các hợp đồng tín dụng của ông Trần ĐT tại Ngân hàng, ông Trần ĐT yêu cầu trả tiền gốc đã vay là 100.000.000.000 đồng (trong tổng số tiền vay 5.190 tỷ đồng mà Bản án phúc thẩm số 30 đã tuyên), riêng tiền lãi ông Trần ĐT đã thanh toán nên không đồng ý tiếp tục trả. Đối với 06 sổ tiết kiệm TB0-622920, TB0-647520, TB0-647521, TB0-647522, TB0-647523, TB0-647524 đang gửi tại Ngân hàng , ông Trần ĐT yêu cầu được nhận đầy đủ gốc và lãi suất từ ngày gửi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, cụ thể tiền gốc là 390.757.273.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tạm tính theo lãi suất ghi trên các sổ tiết kiệm tính đến ngày 12/8/2019 là 199.404.456.102 đồng. Tổng cộng là: 590.161.729.102 đồng. Như vậy, ông Trần ĐT yêu cầu cấn trừ số tiền trong sổ tiết kiệm vào số tiền Ông Trần ĐT đã vay vào ngày 26/7/2013. Ông Trần ĐT còn thừa 490.161.729.102 đồng và tiền lãi phát sinh của các sổ tiết kiệm kể từ ngày 13/8/2019 đến ngày Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV thực trả đủ tiền cho ông Trần ĐT.

13-Bà Lê KN: có 07 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng TMCP ĐT – Chi

nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV), cụ thể như sau:

1. Sổ tiết kiệm số: TB0-581175 ngày 18/03/2013, số tiền gửi: 308.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9500%/tháng,

2. Sổ tiết kiệm số: TB0-581177 ngày 22/02/2013, số tiền gửi: 1.137.583.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9500%/tháng,

3. Sổ tiết kiệm số: TB0-581176 ngày 05/03/2013, số tiền gửi: 3.193.750.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9500%/tháng,

4. Sổ tiết kiệm số: TB0-581174 ngày 06/03/2013, số tiền gửi: 105.000.000.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9500%/tháng,

5. Sổ tiết kiệm số: TB0-581178 ngày 06/03/2013, số tiền gửi: 2.235.625.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9500%/tháng,

6. Sổ tiết kiệm số: TB0-593753 ngày 09/11/2013, số tiền gửi: 1.254.516.000 đồng, thời hạn gửi là 13 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng,

7. Sổ tiết kiệm số: TB0-593752 ngày 10/7/2013, số tiền gửi: 924.667.000 đồng, thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất gửi: 0,9167%/tháng.

Tổng số tiền gửi gốc là 421.746.141.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019 là 216.970.932.074 đồng. Tổng cộng là 638.717.073.074 đồng.

Ngày 21/6/2013, bà Lê KN đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-581174, TB0-581175, TB0-581176, TB0-581177 và TB0-581178 để vay số tiền 391.200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.183.13/HĐTD-STK, lãi suất 11,9000%/năm, thời gian vay 61 ngày (từ ngày 21/6/2013 – 21/8/2013).

Ngày 21/6/2013, bà Lê KN đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-593752 để vay số tiền 800.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.184.13/HĐTD-STK, lãi suất 11,0000%/năm, thời gian vay 61 ngày (từ ngày 21/6/2013 – 21/8/2013). Phụ lục hợp đồng số PL01/040.184.13/HDTD-STK ngày 10/7/2013 thay đổi lãi suất vay thành 11,5%

Ngày 21/6/2013, bà Lê KN đã cầm cố sổ tiết kiệm số TB0-593753 để vay số tiền 1.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 040.185.13/HĐTD-STK, lãi suất 11,5004%/năm, thời gian vay 61 ngày (từ ngày 21/6/2013 – 21/8/2013).

Các khoản vay này đã được tất toán vào ngày 21/8/2013.

Bản án hình sự phúc thẩm số 30 **tại trang 129** đã quyết định: *"Giải tỏa kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV* ***tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng****, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013* ***theo đúng quy định pháp luật****"*. Trong 124 sổ tiết kiệm nêu trên, có 07 sổ tiết kiệm đứng tên Bà Lê KN.

Theo Bản án phúc thẩm số 30 thì số nợ gốc của các khoản vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 "*được xem là chưa tất toán"* là 5.190 tỷ

đồng *(Năm ngàn một trăm chín mươi tỷ đồng)*. Trong đó, số tiền được xem là chưa tất toán của bà Lê KN vào các ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013 và ngày 30/7/2013 là 393.000.000.000 đồng.

Nay, bà Lê KN có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 3 buộc bị đơn tất toán các hợp đồng tín dụng của bà Lê KN tại Ngân hàng, bà Lê KN yêu cầu trả tiền gốc đã vay là 393.000.000.000 đồng (trong tổng số tiền vay 5.190 tỷ đồng mà Bản án phúc thẩm số 30 đã tuyên), riêng tiền lãi bà Lê KN đã thanh toán nên không đồng ý tiếp tục trả. Đối với 07 sổ tiết kiệm TB0-581175, TB0-581174, TB0-581176, TB0-581177, TB0-581178, TB0-593752, TB0-593753 đang gửi tại Ngân hàng, bà Lê KN yêu cầu được nhận đầy đủ gốc và lãi suất từ ngày gửi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, cụ thể tiền gốc là 421.746.141.000 đồng, số tiền lãi phát sinh tạm tính theo lãi suất ghi trên các sổ tiết kiệm tính đến ngày 12/8/2019 là 216.970.932.074 đồng. Tổng cộng là: 638.717.073.074 đồng. Như vậy, bà Lê KN yêu cầu cấn trừ số tiền trong sổ tiết kiệm vào số tiền Bà Lê KN đã vay vào ngày 21/6/2013. Bà Lê KN còn thừa 245.717.073.074 đồng và tiền lãi phát sinh của các sổ tiết kiệm kể từ ngày 13/8/2019 đến ngày Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV thực trả đủ tiền cho bà Lê KN.

Sau khi thụ lý vụ án nêu trên, Tòa án nhân dân Quận 3 đã áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2014/QĐ – BPKCTT ngày 15 tháng 08 năm 2014 về việc "Cấm thực hiện hành vi tất toán khoản vay cầm cố Thẻ tiết kiệm quá hạn, Thẻ tiết kiệm và Hợp đồng tín dụng".

Ngày 30/9/2014, Toà án nhân dân Quận 3 đã ra Quyết định số 62/2014/QĐST-KDTM – TĐC tạm đình chỉ giải quyết Vụ án do cần đợi kết quả thu thập chứng cứ của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an.

Sau khi Bản án phúc thẩm số 30 có hiệu lực pháp luật trích **tại trang 129** đã quyết định:*"Giải tỏa kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV* ***tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết xử lý số tiền 5.190 tỷ đồng****, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013* ***theo đúng quy định pháp luật****"*. Trong 124 sổ tiết kiệm nêu trên, có 118 sổ tiết kiệm đứng tên Bà Trần NB và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo Bản án phúc thẩm số 30 thì số nợ gốc của các khoản vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 "*được xem là chưa tất toán"* là 5.190 tỷ đồng *(Năm ngàn một trăm chín mươi tỷ đồng).*

Ngày 21/4/2017, Toà án nhân dân Quận 3 đã ra Quyết định số 83/2017/QĐ-TTGQVA về việc tiếp tục giải quyết Vụ án.

Ngày 18/4/2019 Tòa án nhân dân Quận 3 đã Ban hành Quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 95/2019/QĐ-BPKCTT.

Ngày 19/4/2019, Toà án nhân dân Quận 3 có Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 97/2019/QĐ-BPKCTT cấm Ngân hàng Thương mại

TNHH MTV XV thực hiện hành vi tất toán 118 sổ tiết kiệm của Bà Trần NB và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Sau khi Toà án nhân dân Quận 3 có Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, ngày 23/5/2019 Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV mới cung cấp cho Bà Trần NB và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảng kê tính lãi các khoản vay 5.190 tỷ đồng đề ngày 17/05/2019 và Bảng kê tính lãi 124 sổ tiết kiệm. Do không được Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV cung cấp thông tin, đến ngày 23/5/2019 Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV mới cung cấp thì thông tin không đầy đủ, không chính xác và vụ án đang được Toà án nhân dân Quận 3 giải quyết nên Bà Trần NB và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thể trả nợ theo quyết định của Bản án phúc thẩm số 30.

Bản án số 748/2019/KDTM-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân Quận 3 đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Trần NB;

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê KN, Bà Đỗ NH, Bà Trần UP, Ông Nguyễn HT, Ông Trần QT, Ông Nguyễn TG, Ông Đoàn VD, Ông Trần ĐT, Ông Phan DH, Bà Lê TC, Ông Võ CH, Ông Phan VT, Ông Tống NT.

3. Buộc Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV có nghĩa vụ tất toán các sổ tiết kiệm bao gồm thanh toán số tiền gốc và lãi của cho nguyên đơn bà Trần NB và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ thể như sau:

3.1 Bà Trần NB: 08 Sổ tiết kiệm số: TB0-529621, TB0-529622, TB0-531761, TB0-549310, TB0-529619, TB0-529620, TB0-581192, TB0-529623.

Tổng số tiền gốc là 425.186.750.000 đồng, lãi: 221.482.803.413 đồng (lãi tạm tính đến hết ngày 12/8/2019). Tổng cộng: 646.669.553.413 đồng (Sáu trăm bốn mươi sáu tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu năm trăm năm mươi ba ngàn bốn trăm mười ba đồng).

3.2 Ông Trần QT: 14 Sổ tiết kiệm số: TB0-439358, TB0-472209, TB0-472225, TB0-472245, TB0-472253, TB0-472254, TB0-472261, TB0-484029, TB0-484051, TB0-484052, TB0-512620, TB0-621671, TB0-512627, TB0 621673.

Gốc: 426.632.504.000 đồng, lãi: 214.114.488.847 đồng (lãi tạm tính đến hết ngày 12/8/2019). Tổng cộng: 640.746.992.847 đồng (Sáu trăm bốn mươi tỷ bảy trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm chín mươi hai ngàn tám trăm bốn mươi bảy đồng).

3.3 Bà Lê KN: 07 Sổ tiết kiệm số: TB0-593753, TB0-581174, TB0 581175, TB0-581176, TB0-581177, TB0-581178, TB0-593752.

Gốc: 421.746.141.000 đồng, lãi: 216.970.932.074 đồng (lãi tạm tính đến hết ngày 12/8/2019). Tổng cộng: 638.717.073.074 đồng (Sáu trăm ba mươi tám tỷ bảy trăm mười bảy triệu không trăm bảy mươi ba ngàn không trăm bảy mươi bốn đồng).

3.4 Bà Đỗ NH: 10 Sổ tiết kiệm số: TB0-581191, TB0-581179, TB0-581180, TB0-581181, TB0-581182, TB0-581183, TB0-581184, TB0-581185, TB0-581186, TB0-592750.

Gốc: 390.780.291.000 đồng, lãi: 202.081.366.553 đồng (lãi tạm tính đến hết ngày 12/8/2019). Tổng cộng: 592.861.657.553 đồng (Năm trăm chín mươi hai tỷ tám trăm sáu mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm năm mươi ba đồng).

3.5 Ông Trần ĐT: 06 Sổ tiết kiệm số: TB0-647520, TB0-647521, TB0-647522, TB0-647523, TB0-647524, TB0-622920.

Gốc: 390.757.273.000 đồng, lãi: 199.404.456.102 đồng (lãi tạm tính đến hết ngày 12/8/2019). Tổng cộng: 590.161.729.102 đồng (Năm trăm chín mươi tỷ một trăm sáu mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn một trăm lẻ hai đồng).

3.6 Ông Nguyễn TG: 07 Sổ tiết kiệm số: TB0-553750, TB0-553751, TB0-553752, TB0-553753, TB0-553762, TB0-553763, TB0-553768.

Gốc: 425.722.694.000 đồng, lãi: 226.334.504.481 đồng (lãi tạm tính đến hết ngày 12/8/2019). Tổng cộng: 652.057.198.481 đồng (Sáu trăm năm mươi hai tỷ không trăm năm mươi bảy triệu một trăm chín mươi tám ngàn bốn trăm tám mươi mốt đồng).

3.7 Ông Đoàn VD: 15 Sổ tiết kiệm số: TB0-617674, TB0-617678, TB0-647525, TB0-647526, TB0-622960, TB0-622961, TB0-622962, TB0-622963, TB0-622964, TB0-622965, TB0-622966, TB0-622967, TB0-647592, TB0-622969, TB0-647562.

Gốc: 332.623.574.500 đồng, lãi: 172.077.250.096 đồng (lãi tạm tính đến hết ngày 12/8/2019). Tổng cộng: 504.700.824.596 đồng (Năm trăm lẻ bốn tỷ bảy trăm triệu tám trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm chín mươi sáu đồng).

3.8 Bà Trần UP: 07 Sổ tiết kiệm số: TB0-531762, TB0-531763, TB0-531755, TB0-581198, TB0-549311, TB0-549330, TB0-552672.

Gốc: 333.518.445.000 đồng, lãi: 173.979.552.394 đồng (lãi tạm tính đến hết ngày 12/8/2019). Tổng cộng: 507.497.997.394 đồng (Năm trăm lẻ bảy tỷ bốn trăm chín mươi bảy triệu chín trăm chín mươi bảy triệu ba trăm chín mươi bốn đồng).

3.9 Ông Nguyễn HT: 08 Sổ tiết kiệm số: TB0-616670, TB0-617671,TB0-617680, TB0-617682, TB0-617685, TB0-617679, TB0-617673, TB0-617672.

Gốc: 388.936.044.000 đồng, lãi: 204.191.971.713 đồng (lãi tạm tính đến hết ngày 12/8/2019). Tổng cộng: 593.128.015.713 đồng (Năm trăm chín mươi ba tỷ một trăm hai mươi tám triệu không trăm mười lăm ngàn bảy trăm mười ba đồng)

3.10 Ông Tống NT: 06 Sổ tiết kiệm số: TB0-622952, TB0-622968, TB0-622955, TB0-622954, TB0-622956, TB0-647953

Gốc: 388.937.593.000 đồng, lãi: 191.389.615.286 đồng (lãi tạm tính đến hết ngày 12/8/2019). Tổng cộng: 580.327.208.286 đồng (Năm trăm tám mươi tỷ ba trăm hai mươi bảy triệu hai trăm lẻ tám ngàn hai trăm tám mươi sáu đồng).

3.11 Ông Phan DH: 04 Sổ tiết kiệm số: TB0-616406, TB0-616407, TB0-616404, TB0-616405.

Gốc: 426.545.139.000 đồng, lãi: 225.483.162.938 đồng (lãi tạm tính đến hết ngày 12/8/2019). Tổng cộng: 652.028.301.398 đồng (Sáu trăm năm mươi hai tỷ không trăm hai mươi tám triệu ba trăm lẻ một ngàn ba trăm chín mươi tám đồng).

3.12 Ông Võ CH: 03 Sổ tiết kiệm số: TB0-616401, TB0-616402, TB0-616403.

Gốc: 433.583.278.000 đồng, lãi: 225.752.141.477 đồng (lãi tạm tính đến hết ngày 12/8/2019). Tổng cộng: 659.308.419.477 đồng (Sáu trăm năm mươi chín tỷ ba trăm lẻ tám triệu bốn trăm mười bảy ngàn bốn trăm bảy mươi bảy đồng).

3.13 Bà Lê TC: 05 Sổ tiết kiệm số: TB0-553729, TB0-553727, TB0-553728, TB0-553730, TB0-553731.

Gốc: 424.000.000.000 đồng, lãi: 221.528.905.731 đồng (lãi tạm tính đến hết ngày 12/8/2019). Tổng cộng: 645.528.905.731 đồng (Sáu trăm bốn mươi lăm tỷ năm trăm hai mươi tám triệu chín trăm lẻ năm ngàn bảy trăm ba mươi mốt đồng).

3.14 Ông Phan VT: 18 Sổ tiết kiệm số: TB0-593870, TB0-593871, TB0-593872, TB0-593873, TB0-593891, TB0-593889, TB0-593890, TB0-593892, TB0-622916, TB0-647591, TB0-593874, TB0-593875, TB0-593876, TB0-593877, TB0-593878, TB0-593879, TB0-593880, TB0-593881.

Gốc: 368.821.764.000 đồng, lãi: 194.844.256.387 đồng (lãi tạm tính đến hết ngày 12/8/2019). Tổng cộng: 563.666.020.387 đồng (Năm trăm sáu mươi ba tỷ sáu trăm sáu mươi sáu triệu không trăm hai mươi ngàn ba trăm tám mươi bảy đồng).

4. Cấn trừ thu nợ gốc liên quan đến tổng số tiền 5.190 tỷ đồng đã vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013 và 30/7/2013 theo Bản án phúc thẩm số 30 được tính như sau:

4.1 Bà Trần NB:

- Hợp đồng số 040.176.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 223.350.000.000 đồng;

- Hợp đồng 040.177.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 25.760.000.000 đồng;

- Hợp đồng 040.178.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 150.890.000.000 đồng;

Tổng cộng số tiền bà Trần NB phải trả là: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỷ đồng).

4.2 Bà Trần UP:

- Hợp đồng số 040.179.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 24.690.000.000 đồng;

- Hợp đồng 040.180.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 281.510.000.000 đồng;

- Hợp đồng 040.181.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 14.800.000.000 đồng;

Tổng cộng số tiền bà Trần UP phải trả là: 321.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi mốt tỷ đồng).

4.3 Ông Nguyễn HT:

- Hợp đồng số 040.198.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 314.500.000.000 đồng (Ba trăm mười bốn tỷ năm trăm triệu đồng);

- Hợp đồng 040.199.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 55.500.000.000 đồng;

Tổng cộng số tiền ông Nguyễn HT phải trả là: 370.000.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi tỷ đồng).

4.4 Ông Nguyễn TG:

- Hợp đồng số 040.193.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 396.000.000.000 đồng;

Tổng cộng số tiền ông Nguyễn TG phải trả là: 396.000.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu tỷ đồng).

4.5 Bà Đỗ NH:

- Hợp đồng số 040.194.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 328.300.000.000 đồng;

- Hợp đồng 040.195.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 35.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng 040.196.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 700.000.000 đồng;

Tổng cộng số tiền bà Đỗ NH phải trả là: 364.000.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi bốn tỷ đồng).

4.6 Bà Lê KN:

- Hợp đồng số 040.183.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 391.200.000.000 đồng;

- Hợp đồng 040.184.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 800.000.000 đồng;

- Hợp đồng 040.195.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 1.000.000.000 đồng;

Tổng cộng số tiền bà Lê KN phải trả là: 393.000.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi ba tỷ đồng).

4.7 Ông Trần QT:

- Hợp đồng số 040.190.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 172.100.000.000 đồng;

- Hợp đồng 040.191.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 93.510.000.000 đồng;

- Hợp đồng 040.192.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 4.600.000.000 đồng;

- Hợp đồng 040.188.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 51.640.000.000 đồng;

- Hợp đồng 040.189.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 78.150.000.000 đồng;

Tổng cộng số tiền ông Trần QT phải trả là: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỷ đồng).

4.8 Ông Đoàn VD:

- Hợp đồng số 040.197.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 là: 190.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng số 040.263.13/HĐTD-STK ngày 30/7/2013 là: 68.000.000.000 đồng

Tổng cộng số tiền ông Đoàn VD phải trả là: 258.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tám tỷ đồng).

4.9 Ông Võ CH:

- Hợp đồng số 040.246.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013 là: 400.000.000.000 đồng;

Tổng cộng số tiền ông Võ CH phải trả là: 400.000.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỷ đồng).

4.10 Bà Lê TC:

- Hợp đồng số 040.249.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013 là: 248.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng 040.248.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013 là: 152.000.000.000 đồng;

Tổng cộng số tiền bà Lê TC phải trả là: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỷ đồng).

4.11 Ông Phan VT:

- Hợp đồng số 040.251.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013 là: 137.393.000.000 đồng;

- Hợp đồng 040.252.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013 là: 4.670.000.000 đồng;

- Hợp đồng 040.253.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013 là: 205.177.000.000 đồng;

- Hợp đồng 040.259.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013 là: 2.760.000.000 đồng;

Tổng cộng số tiền ông Phan VT phải trả là: 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng).

4.12 Ông Phan DH:

- Hợp đồng số 040.250.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013 là: 398.000.000.000 đồng;

Tổng cộng số tiền ông Phan DH phải trả là: 398.000.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi tám tỷ đồng).

4.13 Ông Trần ĐT:

- Hợp đồng 040.257.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013 là: 100.000.000.000 đồng;

Tổng cộng số tiền ông Trần ĐT phải trả là: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng.

4.14 Ông Tống NT:

- Hợp đồng 040.264.13/HĐTD-STK ngày 30/7/2013 là: 374.000.000.000 đồng;

Tổng cộng số tiền ông Tống NT phải trả là: 374.000.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bốn tỷ đồng).

5. Buộc Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV cấn trừ số tiền gốc và lãi của sổ tiết kiệm của nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vào các khoản vay ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 trong số tiền 5190 tỷ trong Bản án phúc thẩm số 30, sau đó hoàn lại tiền cho nguyên đơn bà Trần NB và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lê KN, bà Đỗ NH, bà Trần UP, ông Nguyễn HT, ông Trần QT, ông Nguyễn TG, ông Đoàn VD, ông Trần ĐT, ông Phan DH, bà Lê TC, ông Võ CH, ông Phan VT, ông Tống NT. Buộc Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV trả lại số tiền còn dư sau khi cấn trừ số tiền mỗi người đã vay vào các ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013 và ngày 30/7/2013 (trong tổng số tiền vay là 5.190 tỷ đồng) theo nội dung Bản án phúc thẩm số 30 đã tuyên, số tiền cụ thể mà Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV phải trả lại cho mỗi người như sau:

5.1 Bà Trần NB số tiền là: 246.669.553.413 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu năm trăm năm mươi ba ngàn bốn trăm mười ba đồng).

5.2 Ông Trần QT số tiền là: 240.746.992.847 đồng (Hai trăm bốn mươi tỷ bảy trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm chín mươi hai ngàn tám trăm bốn bảy đồng).

5.3 Bà Trần UP số tiền là: 186.497.997.394 đồng (Một trăm tám mươi sáu tỷ bốn trăm chín mươi bảy triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm chín tư đồng).

5.4 Ông Nguyễn HT số tiền là: 223.128.015.713 đồng (Hai trăm hai mươi ba tỷ một trăm hai mươi tám triệu không trăm mười lăm ngàn bảy trăm mười ba đồng).

5.5 Ông Phan VT số tiền là: 213.666.020.387 đồng (Hai trăm mười ba tỷ sáu trăm sáu mươi sáu triệu không trăm hai mươi ngàn ba trăm tám mươi bảy đồng).

5.6 Bà Đỗ NH số tiền là: 228.861.657.553 đồng (Hai trăm hai mươi tám tỷ tám trăm sáu mốt triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm năm mươi ba đồng).

5.7 Ông Đoàn VD số tiền 246.700.824.596 đồng (Hai trăm bốn sáu tỷ bảy trăm triệu tám trăm hai bốn ngàn năm trăm chín sáu đồng).

5.8 Ông Nguyễn TG số tiền là: 256.057.198.481 đồng (Hai trăm năm sáu tỷ không trăm năm mươi bảy triệu một trăm chín tám ngàn bốn trăm tám mốt đồng).

5.9 Ông Tống NT số tiền là: 206.327.208.286 đồng (Hai trăm lẻ sáu tỷ ba trăm hai mươi bảy triệu hai trăm lẻ tám ngàn hai trăm tám sáu đồng).

5.10 Bà Lê KN số tiền là: 245.717.073.074 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm tỷ bảy trăm mười bảy triệu không trăm bảy mươi ba ngàn không trăm bảy mươi bốn đồng).

5.11 Ông Phan DH số tiền là: 254.028.301.398 đồng (Hai trăm năm mươi bốn tỷ không trăm hai mươi tám triệu ba trăm lẻ một ngàn ba trăm chín mươi tám đồng).

5.12 Ông Trần ĐT số tiền là: 490.161.729.102 đồng (Bốn trăm chín mươi tỷ một trăm sáu mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn một trăm lẻ hai đồng).

5.13 Bà Lê TC số tiền là: 245.528.905.731 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm tỷ năm trăm hai mươi tám triệu chín trăm lẻ năm ngàn bảy trăm ba mươi mốt đồng)

5.14 Ông Võ CH số tiền là: 259.308.419.477 đồng (Hai trăm năm mươi chín tỷ ba trăm lẻ tám triệu bốn trăm mười chín ngàn bốn trăm bảy mươi bảy đồng).

6. Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV còn phải chịu tiền lãi phát sinh của các sổ tiết kiệm theo mức lãi suất thỏa thuận ghi trên sổ tiết kiệm của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ ngày 13/8/2019 cho đến khi trả đủ tiền cho nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

7. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê KN, bà Đỗ NH, bà Trần UP, ông Nguyễn HT, ông Trần QT, ông Nguyễn TG, Ông Đoàn VD, ông Trần ĐT, ông Phan DH, Bà Lê TC, ông Võ CH, ông Phan VT, ông Tống NT về yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản của Bà Trần UP.

8. Giải tỏa quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 97/2019/QĐ-BPKCTT ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Tách yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 266.000.000.000 đồng Hợp đồng

tín dụng số 040.186.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 và Hợp đồng tín dụng số 040.187.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 của ông Nguyễn Hoàng Chương thành một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 22/8/2019 đại diện theo ủy quyền Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 3.

- Ngày 26/8/2019 bà Trần NB, ông Phan VT và đại diện theo ủy quyền của bà Lê KN, bà Đỗ NH, bà Trần UP, ông Nguyễn HT, ông Trần QT, ông Nguyễn TG, Ông Đoàn VD, ông Trần ĐT, ông Phan DH, Bà Lê TC, ông Võ CH, ông Tống NT là ông Phan VT kháng cáo một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 3, đề nghị cấp phúc thẩm buộc Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV thực hiện việc trả tiền vào tài khoản của người thụ hưởng tên Trần UP tại Ngân hàng PVCOMBANK – Chi nhánh Sài Gòn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện bị đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu tính lãi của bị đơn và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi của 118 sổ tiết kiệm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng nghiêm trọng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý hồ sơ đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, việc cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về thời gian giải quyết vụ án chưa đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 74, Điều 199, Điều 200, Điều, 201 Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về ý kiến của luật sư phía bị đơn cho rằng Tòa án nhân dân Quận 3 thụ lý giải quyết không đúng thẩm quyền thì thấy: căn cứ điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì việc Tòa án nhân dân Quận 3 thụ lý là đúng thẩm quyền. Về số tiền gốc và tiền lãi của 118 sổ tiết kiệm các bên đã thống nhất. Riêng số tiền 5.190 tỷ là số tiền vay vào các ngày 21/6, 26/7 và 30/7 năm 2013 thì phía nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chứng minh thanh toán lãi và vốn gốc thông qua 32 phiếu ủy nhiệm chi, do đó, không có cơ sở để buộc những người này phải chịu lãi trên sô tiền 5.190 tỷ đồng. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng XV về yêu cầu tính lãi phần này. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm do phát sinh tình tiết mới là nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan rút một phần yêu cầu về tính lãi. Kiến nghị hội đồng xét xử giao cơ quan thi hành án rà soát nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải thi hành nghĩa vụ theo bản án hình sự, dân sự nào đảm bảo thi hành án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự;

Sau khi nghe ý kiến của các luật sư, đại diện Viện kiểm sát;

Sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Ngân hàng XV, bà Trần NB, ông Phan VT và đại diện theo ủy quyền của bà Lê KN, bà Đỗ NH, bà Trần UP, ông Nguyễn HT, ông Trần QT, ông Nguyễn TG, Ông Đoàn VD, ông Trần ĐT, ông Phan DH, Bà Lê TC, ông Võ CH, ông Tống NT là ông Phan VT làm trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Về ý kiến của luật sư phía bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm do Tòa án nhân dân Quận 3 vi phạm tố tụng nghiêm trọng như thụ lý giải quyết không đúng thẩm quyền, giải quyết vượt quá yêu cầu đương sự, xác định tên gọi bị đơn không đúng thì thấy: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Nếu tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh tổ chức thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi tổ chức đó có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết*". Trong vụ án này, bị đơn là Ngân hàng XV có trụ sở tại Long An nhưng chi nhánh tại Quận 3, nơi thực hiện giao dịch gửi sổ tiết kiệm, ký hợp đồng vay ở Quận 3 nên Tòa án nhân dân Quận 3 thụ lý là đúng thẩm quyền. Bên cạnh đó, căn cứ đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả tiền gốc, lãi của các sổ tiết kiệm. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 3 giải quyết không vượt quá yêu cầu đương sự. Về tên gọi của bị đơn, ban đầu, Tòa án nhân dân Quận 3 đã xác định tên chưa đúng, sau đó đã điều chỉnh tên gọi bị đơn theo đúng giấy đăng ký kinh doanh và hồ sơ pháp lý của bị đơn là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện Viện iểm sát nhân dân Tp Hồ Chí Minh cũng phát biểu ý kiến trên. Do đó, không có cơ sở hủy bản án sơ thẩm như đề nghị phía luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[3] Về nội dung kháng cáo: Xét thấy, ngày 07/11/2019, Toà án nhân dân

Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên toà xét xử phúc bị đơn là Ngân hàng XV đã cung cấp cho Hội đồng xét xử và các đương sự trong vụ án Bảng kê tính lãi 118 sổ tiết kiệm tính đến ngày 12/8/2019. Theo Bảng kê tính lãi này thì tổng số tiền gốc, lãi còn phải trả của 118 sổ tiết kiệm cho bà Trần NB và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tính đến ngày 12/8/2019 là **8.251.939.524.318 đồng**. Trong đó, tiền gốc là 5.577.791.490.500 đồng, tiền lãi còn phải trả tính tới ngày 12/8/2019 là 2.674.148.033.818 đồng. So với số liệu tiền gốc, lãi của 118 sổ tiết kiệm do nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp tại phiên toà sơ thẩm là **8.467.399.897.454 đồng**, trong đó tiền gốc là 5.577.791.490.500 đồng, tiền lãi còn phải trả tính tới ngày 12/8/2019 là 2.889.608.406.954 đồng. Số tiền chênh lệch là **215.460.373.036** đồng. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ý kiến về cách tính lãi của phía bị đơn. Phiên tòa ngày 19/11/2019, nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có văn bản đồng ý với cách tính lãi của Ngân hàng XV, đồng thời rút một phần yêu cầu tính lãi số tiền chênh lệch là **215.460.373.036** của 118 sổ tiết kiệm. Phía bị đơn là Ngân hàng XV có ý kiến: Đề nghị cấn trừ tổng số tiền gốc, lãi còn phải trả của 118 sổ tiết kiệm của bà Trần NB và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tính đến ngày 12/8/2019 là 8.251.939.524.318 đồng vào số tiền 5.190 tỷ đồng của các khoản vay các ngày 21/6; 26/7 và 30/7/2013 cùng với lãi tính đến ngày 12/8/2019 là 5.450.872.734.251 đồng. Tổng số tiền là **10.640.872.734.251 đồng.** Như vậy, **do nguyên đơn, bị đơn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất số tiền gốc, lãi còn phải trả của 118 sổ tiết kiệm, thống nhất số tiền vay của từng cá nhân, thống nhất phương thức cấn trừ các khoản vay, chỉ còn chưa thống nhất số nợ 5.190 tỷ đồng có tính lãi hay không.** Do đó, trong phạm vi xét xử phúc thẩm hôm nay, hội đồng xét xử chỉ xem xét kháng cáo 2 nội dung: kháng cáo của bị đơn cho rằng phải tính lãi của các khoản vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013 và 30/7/2013 **;** kháng cáo của nguyên đơn là bà Trần NB, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ttrong vụ án là bà Lê KN, bà Đỗ NH, bà Trần UP, ông Nguyễn HT, ông Trần QT, ông Nguyễn TG, Ông Đoàn VD, ông Trần ĐT, ông Phan DH, bà Lê TC, ông Võ CH, ông Tống NT là ông Phan VT đề nghị cấp phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bà NB cũng như những người liên quan trong vụ án ủy quyền cho bà UP được nhận số tiền từ Ngân hàng XV thông qua tài khoản cá nhân của bà UP. Do nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan rút một phần yêu cầu tính lãi, số tiền chênh lệch là **215.460.373.036** của 118 sổ tiết kiệm nên đình chỉ xét xử phúc thẩm phần này.

[3.1] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng phải tính lãi của số tiền 5.190 các khoản vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013 và 30/7/2013: Trong vụ án này, phía bị đơn không có yêu cầu phản tố, tuy nhiên, do nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu tính gốc và lãi của 118 sổ tiết kiệm và cấn trừ các khoản vay liên quan số tiền 5.190 tỷ đồng, do đó, kháng cáo của bị đơn vẫn nằm trong yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên vẫn được xem xét. Xét thấy tại điểm c Trang 129 Bản án hình sự phúc thẩm số 30/2017/HSPT ngày 24/01/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên

như sau: "*Giải tỏa kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết số tiền 5.190 tỷ đồng, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013, 30/7/2013 theo đúng quy định pháp luật.* Ngoài ra, bản án hình sự phúc thẩm tuyên **giữ nguyên bản án sơ thẩm**. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 332/2016/HSST ngày 09/9/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên: "Giao toàn bộ các sổ tiết kiệm trên cho Ngân hàng thương mại…Xây dựng Việt Nam quản lý để đảm bảo việc Ngân hàng...Xây dựng Việt Nam cùng ông Trần QT, nhóm bà Trần NB giải quyết xử lý số tiền được xem **là chưa tất toán là 5.190 đồng** của các khoản vay các ngày 21/6, 26/7 và 30/7 theo đúng quy định pháp luật". Phía bà NB cũng đã từng có văn bản đề nghị Tòa cấp cao giải thích bản án số 30 nói trên nhưng đến thời điểm này Tòa án nhân dân cấp cao cũng chưa từng có văn bản giải thích bản án khác với nội dung bản án số 30 nêu trên. Cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã có Quyết định thi hành bản án số 934/QĐ-CTHADS ngày 27/02/2017 với nội dung: "*Giải tỏa kê biên 124 sổ tiết kiệm và giao cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV tiếp tục quản lý để đảm bảo cho việc giải quyết số tiền 5.190 tỷ đồng, được xem là chưa tất toán đối với ông Trần QT, bà Trần NB và các cá nhân khác liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013, 30/7/2013 theo đúng quy định pháp luật".*

[3.2] Như vậy, theo các bản án và quyết định nêu trên Ngân hàng XV được quản lý các sổ tiết của từng cá nhân có quan hệ gửi tiền và cầm cố lại sổ tiết kiệm để vay tiền tại Ngân hàng, việc "giải quyết xử lý" 124 sổ tiết kiệm này để thu hồi số tiền 5.190 tỷ đồng "được xem là chưa tất toán" phải được thực hiện "**theo đúng quy định pháp luật**". Bản án phúc thẩm số 30 **không có bất kỳ nội dung nào cho phép Ngân hàng XV được tự ý xử lý các sổ tiết kiệm này để trích thu nợ. Việc Ngân hàng tự ý tất toán các sổ tiết kiệm là không đúng quy định pháp luật và trái với phần quyết định của các bản án, quyết định nêu trên.**

[3.3] Mặt khác, phía nguyên đơn và người liên quan cũng đã chứng minh chuyển trả lãi và gốc thông qua 32 ủy nhiệm chi (UNC) cụ thể như sau:

- UNC số 588: Số tiền 175.453.676.368 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.190.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 623: Số tiền 52.646.262.778 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.188.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 627: Số tiền 79.639.191.667 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.189.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 662: Số tiền 95.490.593.750 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.191.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 672: số tiền 4.692.753.889 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.192.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 829: Số tiền 1.019.486.789 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.185.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 838: Số tiền 399.088.113.333 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.183.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 856: Số tiền 815.377.777 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.184.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 989: Số tiền 153.932.529.194 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.178.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 1011: Số tiền 227.512.995.833 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.176.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 1033: Số tiền 26.261.979.682 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.177.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 1128: Số tiền 193.702.361.111 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.197.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 1151: Số tiền 286.757.033.611 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.180.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 1194: Số tiền 25.171.128.818 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.179.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 1198: Số tiền 15.098.425.556 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.181.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 1234: Số tiền 56.566.833.333 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.199.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 1245: Số tiền 714.826.389 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.196.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 1323: Số tiền 334.919.804.722 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.194.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 1401: Số tiền 320.628.381.944 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.198.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 1407: Số tiền 35.652.361.111 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.195.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 1441: Số tiền 403.984.900.000 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.193.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;

- UNC số 1173: Số tiền 138.694.417.028 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.251.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013;

- UNC số 1195: Số tiền 4.716.247.581 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.252.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013;

- UNC số 1301: Số tiền 402.078.394.444 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.250.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013;

- UNC số 1233: Số tiền 2.787.331.667 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.259.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013;

- UNC số 1404: Số tiền 250.541.311.111 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.249.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013;

- UNC số 1387: Số tiền 153.439.777.778 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.248.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013;

- UNC số 1208: Số tiền 207.208.822.236 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.253.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013;

- UNC số 1352: Số tiền 101.024.722.222 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.257.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013;

- UNC số 1441: Số tiền 404.098.888.889 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.246.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013;

- UNC số 1135: Số tiền 68.586.500.000 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.263.13/HĐTD-STK ngày 30/7/2013;

- UNC số 1328: Số tiền 377.225.750.000 đồng để thanh lý hợp đồng vay số 040.264.13/HĐTD-STK ngày 30/7/2013.

Như vậy, phía nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chứng minh được đã trả cho các hợp đồng vay ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013 và ngày 30/7/2013 là 5.000.151.180.620 đồng (năm ngàn tỷ một trăm năm mươi mốt triệu một trăm tám mươi ngàn, sáu trăm hai mươi) đồng, trong đó 4.924 tỷ đồng là tiền gốc và 75.905.203.094 đồng là tiền lãi.Tại trang 30, 31 bản án phúc thẩm số 30 cũng nêu vấn đề các bên đã thanh toán xong, đồng thời cũng xác định rõ **số tiền chưa tất toán là 5.190 tỷ đồng**, **không có dòng chữ nào nói rằng phải tính lãi đối với số tiền 5.190 tỷ đồng**. Do đó, cấp sơ thẩm không tính lãi đối với số tiền 5.190 tỷ đồng là có cơ sở. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn phần này.

[3.4] Đối với kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:** Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía bị đơn trình bày có bà Trần Ngọc Bích và ông Trần Qúi Thanh phải thực hiện nghĩa vụ tài sản trong bản án số 30, còn lại các cá nhân khác không có nghĩa vụ tài sản nào. Xét thấy: Trong bản án hình sự số 30 còn tuyên bà Trần NB và ông Trần QT còn phải thực hiện nghĩa vụ tài sản khác nên không thể ghi nhận việc 2 cá nhân này ủy quyền cho bà Trần UP nhận tiền thay trong vụ án này, còn lại các cá nhân khác không có nghĩa vụ tài sản nào khác, do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận việc ủy quyền của những người này cho bà Trần UP nhận tài sản là chưa có cơ sở, do đó, sửa bản án phần này, ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê KN, bà Đỗ NH, bà Trần UP, ông Nguyễn HT, ông Nguyễn TG, ông Đoàn VD, ông Trần ĐT, ông Phan DH, Bà Lê TC, ông Võ CH, ông Phan VT, ông Tống NT ủy quyền cho bà Trần UP nhận tài sản thay trong vụ án này đúng quy định pháp luật nếu như cơ quan thi hành án rà soát các cá nhân này không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản nào khác theo quy định pháp luật.

[3.5] Trong số 124 sổ tiết kiệm mà Bản án số 30 tuyên thì có 118 sổ tiết

kiệm của nguyên đơn và 13 cá nhân liên quan khởi kiện trong vụ án này, còn lại 6 sổ tiết kiệm của bà Ngô Bích Thùy Trang, ông Trần Hoài Phục và bà Nguyễn Thị Mỹ Dung không có trong vụ án này. Hiện nay, các ông bà Ngô Bích Thùy Trang, Trần Hoài Phục và Nguyễn Thị Mỹ Dung đã khởi kiện tranh chấp hợp đồng tiền gửi và được Tòa án nhân dân Quận 3 thụ lý thành vụ án số 1040/KDTM-ST ngày 30/9/2019.

[3.6] Ngoài ra, tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng XV khẳng định số tiền 5.190 tỷ đồng liên quan đến khoản vay của các ngày 21/6/2013, ngày 26/7/2013, 30/7/2013 gồm các cá nhân bà Trần NB, bà Lê KN, bà Đỗ NH, bà Trần UP, ông Nguyễn HT, ông Trần QT, ông Nguyễn TG, ông Đoàn VD, ông Trần ĐT, ông Phan DH, bà Lê TC, ông Võ CH, ông Phan VT, ông Tống NT đã vay 4.924 tỷ đồng, riêng ông Nguyễn Hoàng Chương đã vay 266.000.000.000 theo Hợp đồng số 040.186.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 và Hợp đồng số 040.187.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013, các khoản vay này ông Nguyễn Hoàng Chương không có tài sản bảo đảm trong số 118 sổ tiết kiệm của vụ án này.Tuy nhiên, trong phạm vi xét xử vụ án thì bà NB và những người liên quan chỉ yêu cầu buộc ngân hàng tất toán 118 sổ tiết kiệm của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Hoàng Chương không khởi kiện và Ngân hàng XV không có yêu cầu phản tố liên quan đến ông Nguyễn Hoàng Chương và các khoản vay của ông Nguyễn Hoàng Chương. Do đó, cấp sơ thẩm nhận định số tiền 5.190 tỷ đồng đã vay phải trừ ra 266.000.000.000 đồng của ông Nguyễn Hoàng Chương, dành quyền khởi kiện cho Ngân hàng đối với ông Nguyễn Hoàng Chương trong vụ án khác là có cơ sở.

[3.7]Như vậy, do điều chỉnh mức lãi của 118 sổ tiết kiệm nên việc cấn trừ số tiền nợ gốc 4.924 tỷ mà nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay vào các ngày 21/6/2013, 26/7/2013 và 30/7/2013 thì số tiền Ngân hàng XV phải thanh toán cho các cá nhân có thay đổi, cụ thể như sau:

- **Bà Trần NB** là **226.427.295.081 đồng** (hai trăm hai mươi sáu tỷ, bốn trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi lăm ngàn, không trăm tám mươi mốt) đồng;

- **Ông Trần QT** là **228.361.406.227 đồng** (hai trăm hai mươi tám tỷ, ba trăm sáu mươi mốt triệu, bốn trăm lẻ sáu ngàn, hai trăm hai mươi bảy) đồng;

- **Bà Lê KN** là **235.297.346.203 đồng** (hai trăm ba mươi lăm tỷ, hai trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi sáu ngàn, hai trăm lẻ ba) đồng;

- **Bà Đỗ NH** là **218.577.793.502 đồng** (hai trăm mười tám tỷ, năm trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi ba ngàn, năm trăm lẻ hai) đồng;

- **Ông Trần ĐT** là **480.504.545.016 đồng** (bốn trăm tám mươi tỷ, năm trăm lẻ bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm ngàn, không trăm mười sáu) đồng;

- **Ông Nguyễn TG** là **241.846.493.416 đồng** (hai trăm bốn mươi mốt tỷ, tám trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi ba ngàn, bốn trăm mười sáu) đồng;

- **Ông Đoàn VD** là **229.482.886.396 đồng** (hai trăm hai mươi chín tỷ, bốn trăm tám mươi hai triệu, tám trăm tám mươi sáu ngàn, ba trăm chín mươi sáu)

đồng;

- **Bà Trần UP** là **167.851.702.751 đồng** (một trăm sáu mươi bảy tỷ, tám trăm năm mươi mốt triệu, bảy trăm lẻ hai ngàn, bảy trăm năm mươi mốt) đồng;

- **Ông Nguyễn HT** là **199.550.496.093 đồng** (một trăm chín mươi chín tỷ, năm trăm năm mươi triệu, bốn trăm chín mươi sáu ngàn, không trăm chín mươi ba) đồng;

- **Ông Tống NT** là **196.389.572.936 đồng** (một trăm chín mươi sáu tỷ, ba trăm tám mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi hai ngàn, chín trăm ba mươi sáu) đồng;

- **Ông Phan DH** là **239.585.109.849 đồng** (hai trăm ba mươi chín tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu, một trăm lẻ chín ngàn, tám trăm bốn mươi chín) đồng;

- Ông **Võ CH** là **243.885.193.844 đồng** (hai trăm bốn mươi ba tỷ, tám trăm tám mươi lăm triệu, một trăm chín mươi ba ngàn, tám trăm bốn mươi bốn) đồng;

- **Bà Lê TC** là **227.141.763.411 đồng** (hai trăm hai mươi bảy tỷ, một trăm bốn mươi mốt triệu, bảy trăm sáu mươi ba ngàn, bốn trăm mười một) đồng;

- **Ông Phan VT** là **193.037.919.594 đồng** (một trăm chín mươi ba tỷ, không trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm mười chín ngàn, năm trăm chín mươi tư) đồng.

[3.8] Giải tỏa Biện pháp khẩn cấp tạm thời số 97/2019/QĐ-BPKCTT ngày 19/4/2019 của Tòa án Nhân dân Quận 3.

[3.9] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng XV về yêu cầu tính lãi. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm do phát sinh tình tiết mới là nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan rút một phần yêu cầu về tính lãi. Kiến nghị hội đồng xét xử giao cơ quan thi hành án rà soát trách nhiệm thi hành tài sản của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để đảm bảo thi hành bản án này. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí:

[4.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ngân hàng XV phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.435.939.524 (Ba tỷ bốn trăm ba mươi lăm triệu chín trăm ba mươi chín ngàn năm trăm hai mươi bốn) đồng.

[4.2] Về án phí kinh doanh phúc thẩm: Do sửa án nên người kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả cho người kháng cáo toàn bộ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Từ những phân tích trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án liên quan số tiền lãi chênh lệch là **215.460.373.036** đồng do nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án rút một phần yêu cầu. Sửa bản án sơ thẩm do phát sinh tình tiết mới:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Trần NB;

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê KN, bà Đỗ NH, bà Trần UP, ông Nguyễn HT, ông Trần QT, ông Nguyễn TG, ông Đoàn VD, ông Trần ĐT, ông Phan DH, bà Lê TC, ông Võ CH, ông Phan VT, ông Tống NT.

3. Buộc Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV có nghĩa vụ tất toán các sổ tiết kiệm bao gồm thanh toán số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn bà Trần NB và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cấn trừ số tiền gốc và lãi của 118 sổ tiết kiệm của các cá nhân này vào các khoản vay ngày 21/6/2013, 26/7/2013, 30/7/2013 đối với số tiền 5.190 tỷ trong Bản án phúc thẩm số 30. Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV có trách nhiệm thanh toán cho các cá nhân, cụ thể:

3.1 Bà Trần NB: 08 sổ tiết kiệm số TB0529621, TB0529622, TB0531671, TB0549310, TB0529619, TB0529620, TB0581192, TB0529623. Tiền gốc: 425.186.750.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019: 201.240.545.081 đồng. **Tổng cộng: 626.427.295.081 đồng** (sáu trăm hai mươi sáu tỷ, bốn trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi lăm ngàn, không trăm tám mươi một) đồng. Cấn trừ số tiền bà Trần NB vay là: **400.000.000.000 đồng** (Bốn trăm tỷ) đồng theo Hợp đồng số 040.176.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013; Hợp đồng 040.177.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013; Hợp đồng 040.178.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013. **Bà Trần NB** còn được nhận lại là **226.427.295.081 đồng** (hai trăm hai mươi sáu tỷ, bốn trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi lăm ngàn, không trăm tám mươi mốt) đồng (626.427.295.081 đồng - 400.000.000.000 đồng = 226.427.295.081 đồng);

3.2 Ông Trần QT: 14 sổ tiết kiệm số TB0439358, TB0472209, TB0472225, TB0472245, TB0472253, TB0472254, TB0472261, TB0484029, TB0484051, TB0484052, TB0512620, TB0512627, TB0621671, TB0621673. Tiền gốc: 426.632.504.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019: 201.728.902.227 đồng. **Tổng cộng: 628.361.406.227 đồng** (sáu trăm hai mươi tám tỷ, ba trăm sáu mươi một triệu, bốn trăm lẻ sáu ngàn, hai trăm hai mươi bảy) đồng. Cấn trừ số tiền ông Trần QT vay là: **400.000.000.000 đồng** (Bốn trăm tỷ) đồng theo Hợp đồng số 040.190.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013;Hợp đồng 040.191.13/HĐTD-STK ngày 21/6/3; Hợp đồng 040.192.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013; Hợp đồng 040.188.13/HĐTD-STK ngày 21/6/; Hợp đồng 040.189.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013. **Ông Trần QT** còn được nhận là

228.361.406.227 đồng (hai trăm hai mươi tám tỷ, ba trăm sáu mươi mốt triệu, bốn trăm lẻ sáu ngàn, hai trăm hai mươi bảy) đồng (628.361.406.227 đồng - 400.000.000.000 đồng = 228.361.406.227 đồng);

3.3 Bà Lê KN: 07 sổ tiết kiệm số TB0593753, TB0581174, TB0581175, TB0581176, TB0581177, TB0581178, TB0593752. Tiền gốc: 421.746.141.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019: 206.551.205.203 đồng. **Tổng cộng: 628.297.346.203 đồng** (sáu trăm hai mươi tám tỷ, hai trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi sáu ngàn, hai trăm lẻ ba) đồng. Cấn trừ số tiền bà Lê KN vay là: **393.000.000.000 đồng** (Ba trăm chín mươi ba tỷ) đồng theo Hợp đồng số 040.183.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013; Hợp đồng 040.184.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013; Hợp đồng 040.195.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013. **Bà Lê KN** còn được nhận là **235.297.346.203 đồng** (hai trăm ba mươi lăm tỷ, hai trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi sáu ngàn, hai trăm lẻ ba) đồng (628.297.346.203 đồng - 393.000.000.000 đồng = 235.297.346.203 đồng);

3.4 Bà Đỗ NH: 10 sổ tiết kiệm số TB0581191, TB0581179, TB0581180, TB0581181, TB0581182, TB0581183, TB0581184, TB0581185, TB0581186, TB0592750.Tiền gốc: 390.780.291.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019: 191.797.502.502 đồng. **Tổng cộng: 582.577.793.502 đồng** (năm trăm tám mươi hai tỷ, năm trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi ba ngàn, năm trăm lẻ hai) đồng. Cấn trừ số tiền bà Đỗ NH vay là: **364.000.000.000 đồng** (Ba trăm sáu mươi bốn tỷ) đồng theo Hợp đồng số 040.194.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013; Hợp đồng 040.195.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013; Hợp đồng 040.196.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013. **Bà Đỗ NH** còn được nhận là **218.577.793.502 đồng** (hai trăm mười tám tỷ, năm trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi ba ngàn, năm trăm lẻ hai) đồng (582.577.793.502 đồng - 364.000.000.000 đồng =218.577.793.502 đồng);

3.5 Ông Trần ĐT: 06 sổ tiết kiệm số TB0647520, TB0647521, TB0647522, TB0647523, TB0647524, TB0622920. Tiền gốc: 390.757.273.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019: 189.747.272.016 đồng. **Tổng cộng: 580.504.545.016 đồng** (năm trăm tám mươi tỷ, năm trăm lẻ bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm ngàn, không trăm mười sáu đồng). Cấn trừ số tiền ông Trần ĐT vay là: **100.000.000.000 đồng** (một trăm tỷ) đồng theo Hợp đồng 040.257.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013. **Ông Trần ĐT** còn được nhận là **480.504.545.016 đồng** (bốn trăm tám mươi tỷ, năm trăm lẻ bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm ngàn, không trăm mười sáu) đồng (580.504.545.016 đồng - 100.000.000.000 đồng = 480.504.545.016 đồng);

3.6 Ông Nguyễn TG: 07 sổ tiết kiệm số TB0553750, TB0553751, TB0553752, TB0553753, TB0553762, TB0553763, TB0553768. Tiền gốc: 425.722.694.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019: 212.123.799.416 đồng. **Tổng cộng: 637.846.493.416 đồng** (sáu trăm ba mươi bảy tỷ, tám trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi ba ngàn, bốn trăm mười sáu) đồng. Cấn trừ số tiền ông Nguyễn TG vay là: **396.000.000.000 đồng** (Ba trăm chín mươi sáu tỷ) đồng theo Hợp đồng số 040.193.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013. **Ông Nguyễn TG** còn được nhận là **241.846.493.416 đồng** (hai trăm bốn mươi mốt

tỷ, tám trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi ba ngàn, bốn trăm mười sáu) đồng (637.846.493.416 đồng - 396.000.000.000 đồng = 241.846.493.416 đồng);

3.7 Ông Đoàn VD: 15 sổ tiết kiệm số TB0617674, TB0617678, TB0647525, TB0647526, TB0622960, TB0622961, TB0622962, TB0622963, TB0622964, TB0622965, TB0622966, TB0622967, TB0622969, TB0647562, TB0647592. Tiền gốc: 332.623.574.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019: 154.859.311.896 đồng. **Tổng cộng: 487.482.886.396 đồng** (bốn trăm tám mươi bảy tỷ, bốn trăm tám mươi hai triệu, tám trăm tám mươi sáu ngàn, ba trăm chín mươi sáu) đồng. Cấn trừ số tiền ông Đoàn VD vay là: **258.000.000.000 đồng** (Hai trăm năm mươi tám tỷ) đồng theo Hợp đồng số 040.197.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013; Hợp đồng số 040.263.13/HĐTD-STK ngày 30/7/2013. **Ông Đoàn VD** còn được nhận là **229.482.886.396 đồng** (hai trăm hai mươi chín tỷ, bốn trăm tám mươi hai triệu, tám trăm tám mươi sáu ngàn, ba trăm chín mươi sáu) đồng (487.482.886.396 đồng - 258.000.000.000 đồng = 229.482.886.396 đồng);

3.8 Bà Trần UP: 07 sổ tiết kiệm số TB0531762, TB0531763, TB0531755, TB0581198, TB0549311, TB0549330, TB0552672.Tiền gốc: 333.518.445.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019: 155.333.257.751 đồng. **Tổng cộng: 488.851.702.751 đồng** (bốn trăm tám mươi tám tỷ, tám trăm năm mươi mốt triệu, bảy trăm lẻ hai ngàn, bảy trăm năm mươi mốt) đồng. Cấn trừ số tiền bà Trần UP vay là: **321.000.000.000 đồng** (Ba trăm hai mươi mốt tỷ) đồng theo Hợp đồng số 040.179.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013; Hợp đồng 040.180.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013; Hợp đồng 040.181.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013. **Bà Trần UP** còn được nhận là **167.851.702.751 đồng** (một trăm sáu mươi bảy tỷ, tám trăm năm mươi mốt triệu, bảy trăm lẻ hai ngàn, bảy trăm năm mươi mốt) đồng (488.851.702.751 đồng - 321.000.000.000 đồng = 167.851.702.751 đồng)**;**

3.9 Ông Nguyễn HT: 08 sổ tiết kiệm số TB0617670, TB0617671, TB0617680, TB0617682, TB0617685, TB0617679, TB0617672, TB0617673.Tiền gốc: 388.936.044.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019: 180.614.452.093 đồng. **Tổng cộng: 569.550.496.093 đồng** (năm trăm sáu mươi chín tỷ, năm trăm năm mươi triệu, bốn trăm chín mươi sáu ngàn, không trăm chín mươi ba) đồng. Cấn trừ số tiền ông Nguyễn HT vay là: **370.000.000.000 đồng** (Ba trăm bảy mươi tỷ) đồng theo Hợp đồng số 040.198.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013; Hợp đồng 040.199.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013. **Ông Nguyễn HT** còn được nhận là **199.550.496.093 đồng** (một trăm chín mươi chín tỷ, năm trăm năm mươi triệu, bốn trăm chín mươi sáu ngàn, không trăm chín mươi ba) đồng (569.550.496.093 đồng - 370.000.000.000 đồng = 199.550.496.093 đồng)**;**

3.10 Ông Tống NT: 06 sổ tiết kiệm TB0622952, TB0622954, TB0622955, TB0622956, TB0622968, TB0647953. Tiền gốc: 388.937.593.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019: 181.451.979.936 đồng. **Tổng cộng: 570.389.572.936 đồng** (năm trăm bảy mươi tỷ, ba trăm tám mươi chín triệu,

năm trăm bảy mươi hai ngàn, chín trăm ba mươi sáu) đồng. Cấn trừ số tiền ông Tống NT vay là: **374.000.000.000 đồng** (Ba trăm bảy mươi bốn tỷ) đồng theo Hợp đồng 040.264.13/HĐTD-STK ngày 30/7/2013. **Ông Tống NT** còn được nhận là **196.389.572.936 đồng** (một trăm chín mươi sáu tỷ, ba trăm tám mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi hai ngàn, chín trăm ba mươi sáu) đồng (570.389.572.936 đồng - 374.000.000.000 đồng = 196.389.572.936 đồng)**;**

3.11 Ông Phan DH: 04 sổ tiết kiệm số TB0616404, TB0616405, TB0616406, TB0616407.Tiền gốc: 426.545.139.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019: 211.039.970.849 đồng. **Tổng cộng: 637.585.109.849 đồng** (sáu trăm ba mươi bảy tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu, một trăm lẻ chín ngàn, tám trăm bốn mươi chín) đồng. Cấn trừ số tiền ông Phan DH vay là: **398.000.000.000 đồng** (Ba trăm chín mươi tám tỷ) đồng theo Hợp đồng số 040.250.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013) **Ông Phan DH** còn được nhận là **239.585.109.849 đồng** (hai trăm ba mươi chín tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu, một trăm lẻ chín ngàn, tám trăm bốn mươi chín) đồng (637.585.109.849 đồng - 398.000.000.000 đồng = 239.585.109.849 đồng);

3.12 Ông Võ CH: 03 sổ tiết kiệm số TB0616401, TB0616402, TB0616403.Tiền gốc: 433.583.278.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019: 210.301.915.844 đồng. **Tổng cộng: 643.885.193.844 đồng** (sáu trăm bốn mươi ba tỷ, tám trăm tám mươi lăm triệu, một trăm chín mươi ba ngàn, tám trăm bốn mươi bốn) đồng. Cấn trừ số tiền ông Võ CH vay là: **400.000.000.000.000 đồng** (Bốn trăm tỷ) đồng theo Hợp đồng số 040.246.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013. Ông **Võ CH** còn được nhận là **243.885.193.844 đồng** (hai trăm bốn mươi ba tỷ, tám trăm tám mươi lăm triệu, một trăm chín mươi ba ngàn, tám trăm bốn mươi bốn) đồng (643.885.193.844 đồng - 400.000.000.000.000 đồng =243.885.193.844 đồng);

3.13 Bà Lê TC: 05 sổ tiết kiệm số TB0553729, TB0553727, TB0553728, TB0553730, TB0553731.Tiền gốc: 424.000.000.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019: 203.141.763.411 đồng. **Tổng cộng: 627.141.763.411 đồng** (sáu trăm hai mươi bảy tỷ, một trăm bốn mươi mốt triệu, bảy trăm sáu mươi ba ngàn, bốn trăm mười một) đồng. Cấn trừ số tiền bà Lê TC vay là: **400.000.000.000 đồng** (Bốn trăm tỷ) đồng theo Hợp đồng số 040.249.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013; Hợp đồng 040.248.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013. **Bà Lê TC** còn được nhận là **227.141.763.411 đồng** (hai trăm hai mươi bảy tỷ, một trăm bốn mươi mốt triệu, bảy trăm sáu mươi ba ngàn, bốn trăm mười một) đồng (627.141.763.411 đồng - 400.000.000.000 đồng = 227.141.763.411 đồng);

3.14 Ông Phan VT: 18 sổ tiết kiệm số TB0593870, TB0593871, TB0593872, TB0593873, TB0593891, TB0593889, TB0593890, TB0593892, TB0622916, TB0647591, TB0593874, TB0593875, TB0593876, TB0593877, TB0593878, TB0593879, TB0593880, TB0593881.Tiền gốc: 368.821.764.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 12/8/2019: 174.216.155.594 đồng. **Tổng cộng: 543.037.919.594 đồng** (Năm trăm bốn mươi ba tỷ, không trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm mười chín ngàn, năm trăm chín mươi tư) đồng. Cấn trừ số tiền ông Phan VT vay là: **350.000.000.000 đồng** (Ba trăm năm mươi tỷ) đồng theo

Hợp đồng số 040.251.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013; Hợp đồng 040.252.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013; Hợp đồng 040.253.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013; Hợp đồng 040.259.13/HĐTD-STK ngày 26/7/2013. **Ông Phan VT** còn được nhận là **193.037.919.594 đồng** (một trăm chín mươi ba tỷ, không trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm mười chín ngàn, năm trăm chín mươi tư) đồng (543.037.919.594 đồng - 350.000.000.000 đồng = 193.037.919.594 đồng).

4. Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV còn phải chịu tiền lãi phát sinh của các sổ tiết kiệm theo mức lãi suất thỏa thuận ghi trên sổ tiết kiệm của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ ngày 13/8/2019 cho đến khi trả đủ tiền cho nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

5. Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền rà soát nghĩa vụ tài sản của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các vụ án khác để đảm bảo thi hành bản án này.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê KN, bà Đỗ NH, bà Trần UP, ông Nguyễn HT, ông Nguyễn TG, Ông Đoàn VD, ông Trần ĐT, ông Phan DH, Bà Lê TC, ông Võ CH, ông Phan VT, ông Tống NT ủy quyền cho bà Trần UP nhận tài sản trong vụ án này đúng quy định pháp luật. Nếu như cơ quan thi hành án rà soát các cá nhân này không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản nào khác theo quy định pháp luật.

7. Giải tỏa quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 97/2019/QĐ-BPKCTT ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Tách yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng tín dụng số 040.186.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 và Hợp đồng tín dụng số 040.187.13/HĐTD-STK ngày 21/6/2013 số tiền 266.000.000.000 đồng của ông Nguyễn Hoàng Chương và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV thành một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

9. Về án phí sơ thẩm**:**

9.1.Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV phải chịu án phí là 3.435.939.524 (Ba tỷ bốn trăm ba mươi lăm triệu chín trăm ba mươi chín ngàn năm trăm hai mươi bốn) đồng.

9.2.Hoàn trả cho bà Trần NB số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 08281 ngày 01/8/2019 và số tiền 395.296.466 đồng (Ba trăm chín mươi lăm triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn bốn trăm sáu mươi sáu) đồng theo biên lai thu tiền số 0014141 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

9.3.Hoàn trả cho ông Nguyễn TG số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 08293 ngày 20/8/2019 và số tiền 395.296.466 đồng (Ba trăm chín mươi lăm triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn bốn trăm sáu mươi sáu) đồng theo biên lai thu số 0014140 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

9.4.Hoàn trả cho bà Lê TC số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 08302 ngày 20/8/2019 và số tiền 399.328.778 đồng (Ba trăm chín mươi chín triệu ba trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm bảy mươi tám) đồng theo biên lai thu số 0014139 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

9.5.Hoàn trả cho ông Trần ĐT số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 08296 ngày 20/8/2019 và số tiền 376.303.688 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm lẻ ba ngàn sáu trăm tám mươi tám) đồng theo biên lai thu số 0014138 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

9.6.Hoàn trả cho bà Trần UP số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 08305 ngày 20/8/2019 và số tiền 311.674.701 đồng (Ba trăm mười một triệu sáu trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm lẻ một) đồng theo biên lai thu số 0014137 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

9.7.Hoàn trả cho ông Trần QT số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 08304 ngày 20/8/2019 và số tiền 411.093.345 đồng (Bốn trăm mười một triệu không trăm chín mươi ba ngàn ba trăm bốn mươi lăm) đồng theo biên lai thu số 0014136 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

9.8.Hoàn trả cho bà Đỗ NH số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 08295 ngày 20/8/2019 và số tiền 383.244.357 đồng (Ba trăm tám mươi ba triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn ba trăm năm mươi bảy) đồng theo biên lai thu số 0014135 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

9.9.Hoàn trả cho ông Phan VT số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 08299 ngày 20/8/2019 và số tiền 355.277.293 đồng (Ba trăm năm mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm chín mươi ba) đồng theo biên lai thu số 0014134 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

9.10.Hoàn trả cho bà Lê KN số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 08301 ngày 20/8/2019 và số tiền 412.744.941 đồng (Bốn trăm mười hai triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn chín trăm bốn mươi mốt) đồng theo biên lai thu số 0014133 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

9.11.Hoàn trả cho ông Đoàn VD số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 08303 ngày 20/8/2019 và số tiền 327.402.176 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm lẻ hai ngàn một trăm bảy mươi sáu) đồng theo biên lai thu số 0014146 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

9.12.Hoàn trả cho ông Tống NT số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 08300 ngày 20/8/2019 và số tiền 369.959.153 đồng (Ba trăm sáu mươi chín triệu chín trăm năm mươi chín

ngàn một trăm năm mươi ba) đồng theo biên lai thu số 0014145 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

9.13.Hoàn trả cho ông Phan DH số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 08294 ngày 20/8/2019 và số tiền 417.263.780 đồng (Bốn trăm mười bảy triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn bảy trăm tám mươi) đồng theo biên lai thu số 0014144 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

9.14.Hoàn trả cho ông Nguyễn HT số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 08297 ngày 20/8/2019 và số tiền 370.880.086 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu tám trăm tám mươi ngàn không trăm tám mươi sáu) đồng theo biên lai thu số 0014143 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

9.15.Hoàn trả cho ông Võ CH số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 08298 ngày 20/8/2019 và số tiền 423.913.464 đồng (Bốn trăm hai mươi ba triệu chín trăm mười ba ngàn bốn trăm sáu mươi bốn) đồng theo biên lai thu số 0014142 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Về án phí phúc thẩm:

10.1.Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV XV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014603 ngày 23/8/2019 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014610 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10.2.Hoàn trả cho bà Trần NB số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0014614 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10.3.Hoàn trả cho ông Nguyễn TG số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0014619 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10.4.Hoàn trả cho bà Lê TC số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0014615 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10.5.Hoàn trả cho ông Trần ĐT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0014617 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10.6.Hoàn trả cho bà Trần UP số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0014622 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10.7.Hoàn trả cho ông Trần QT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0014620 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10.8.Hoàn trả cho bà Đỗ NH số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0014623 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10.9.Hoàn trả cho ông Phan VT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0014613 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10.10.Hoàn trả cho bà Lê KN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0014621 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10.11.Hoàn trả cho ông Đoàn VD số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0014618 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10.12.Hoàn trả cho ông Tống NT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0014625 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10.13.Hoàn trả cho ông Phan DH số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0014616 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10.14.Hoàn trả cho ông Nguyễn HT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0014624 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10.15.Hoàn trả cho ông Võ CH số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0014612 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- TAND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thùy Dung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Ngọc Anh - Nguyễn Thị Phong **Nguyễn Thi Thùy Dung**